

**DANH SÁCH HỌC BỔNG**  
**Học Kỳ 3 - Năm Học 2024 - 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>1. Lớp: DA2166T1</b>								
1	B2102307	Nguyễn Hà Kiều Anh	16	93	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2102327	Trần Lê Khải	15	95	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b>								
<b>2. Lớp: DA2166T2</b>								
1	B2102366	Giang Thanh Quế	17	90	3.94	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2109246	Huỳnh Mí	16	100	3.78	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b>								
<b>3. Lớp: DA2266A1</b>								
1	B2202237	Lưu Bùi Cẩm Ly	13	95	3.96	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2202259	Châu Huyền Trân	14	95	3.93	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.048.000 đồng</b>								
<b>4. Lớp: DA2266A2</b>								
1	B2202271	Nguyễn Thị Hồng Chúc	12	98	3.92	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2202312	Nguyễn Thị Như Ý	14	98	3.86	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.880.000 đồng</b>								
<b>5. Lớp: DA2266T1</b>								
1	B2202238	Nguyễn Quang Minh	18	97	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2202318	Võ Thị Vân Anh	13	97	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.196.000 đồng</b>								
<b>6. Lớp: DA2266T2</b>								
1	B2202354	Phạm Thị Diễm Quỳnh	12	100	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2202372	Lê Khánh Văn	16	100	3.89	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b>								
<b>7. Lớp: DA2308A1</b>								
1	B2300066	Lê Phước Huân	14	90	3.46	Giỏi	7.860.000	
2	B2300078	Lý Gia Ngân	14	85	3.5	Giỏi	7.860.000	
3	B2300083	Phạm Thị Kim Ngọc	15	80	3.57	Giỏi	7.860.000	
4	B2300100	Lê Trần Diễm Quỳnh	15	95	3.57	Giỏi	7.860.000	
5	B2300121	Lê Tường Vy	13	95	3.58	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.300.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.156.000 đồng</b>								
<b>8. Lớp: DA2308A2</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2300139	Nguyễn Mỹ Hân	13	97	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2300178	Nguyễn Hoàng Phúc Thiện	15	95	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2300197	Khâu Mai Quỳnh Vy	13	100	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2300201	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	13	100	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.584.000 đồng</b>								
<b>9. Lớp: DA2308F1</b>								
1	B2300224	Vũ Thanh Hà	13	92	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2300246	Nguyễn Ngọc Phương Mai	13	92	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.432.000 đồng</b>								
<b>10. Lớp: DA2308F2</b>								
1	B2300215	Châu Minh Duy	15	94	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2300273	Nguyễn Trần Trân	13	95	3.5	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.310.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng</b>								
<b>11. Lớp: DA2366A1</b>								
1	B2302444	Đỗ Khánh Duy	15	100	3.86	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2302451	Dương Bảo Ghi	13	95	3.92	Xuất sắc	8.260.000	
3	B2302492	Nguyễn Thị Huyền Trân	15	95	3.93	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.780.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.072.000 đồng</b>								
<b>12. Lớp: DA2366A2</b>								
1	B2302505	Nguyễn Phương Duy	13	96	4	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2302549	Võ Thị Anh Thư	14	99	3.88	Xuất sắc	8.260.000	
3	B2302553	Nguyễn Thị Huyền Trân	14	98	3.93	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.780.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.488.000 đồng</b>								
<b>13. Lớp: DA2366T1</b>								
1	B2302588	Huỳnh Thị Trúc Mai	13	100	3.96	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2302590	Nguyễn La Diễm My	13	95	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng</b>								
<b>14. Lớp: DA2366T2</b>								
1	B2302582	Huỳnh Thiên Lạc	14	100	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2302593	Phạm Lê Mỹ Ngân	16	95	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b>								
<b>15. Lớp: DA23U5A1</b>								
1	B2305829	Nguyễn Thị Kim Ngân	13	92	3.38	Giỏi	7.860.000	
2	B2305841	Nguyễn Phụng Tiên	15	85	3.54	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.720.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.292.000 đồng</b>								
<b>16. Lớp: DA2408A1</b>								
1	B2400120	Nguyễn Thành Nhân	12	95	3.92	Xuất sắc	9.170.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2400128	Trần Ngọc Như	12	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2400148	Lê Trường Thịnh	12	95	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.868.000 đồng</b>								
<b>17. Lớp: DA2408A2</b>								
1	B2400053	Nguyễn Trúc Anh	12	100	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2400135	Nguyễn Lý Minh Quân	12	93	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2400154	Phạm Anh Thư	12	95	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.916.000 đồng</b>								
<b>18. Lớp: DA2408A3</b>								
1	B2400196	Lê Đoàn Ngọc Dung	12	94	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2400219	Nguyễn Hưng	12	95	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2400276	Nguyễn Quốc Thái	12	95	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.440.000 đồng</b>								
<b>19. Lớp: DA2408A4</b>								
1	B2400192	Sơn Bảo Ca	12	97	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2400259	Lê Nguyễn Kiều Như	12	95	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2400292	Trần Thị Cẩm Tiên	12	97	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.440.000 đồng</b>								
<b>20. Lớp: DA2408A5</b>								
1	B2400332	Trần Thị Mỹ Duyên	12	96	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2400363	Nguyễn Kha Lil	12	100	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2400401	Phan Ngọc Quý	12	100	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.392.000 đồng</b>								
<b>21. Lớp: DA2408A6</b>								
1	B2400323	Huỳnh Ngọc Bích	12	95	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2400342	Nguyễn Đoàn Gia Hân	12	95	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2400433	Lê Thuận Ngọc Triệu	12	92	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.916.000 đồng</b>								
<b>22. Lớp: DA2408F1</b>								
1	B2400450	Nguyễn Ngọc Lan Anh	15	97	3.64	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2400473	Trần Thị Hà My	14	95	3.39	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.310.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b>								
<b>23. Lớp: DA2408F2</b>								
1	B2400510	Nguyễn Khánh Duy	14	97	3.36	Giỏi	11.220.000	
2	B2400522	Phạm Chí Kiệt	14	84	3.61	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.440.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b>								
<b>24. Lớp: DA2408F3</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2400527	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	14	92	3.64	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2400530	Phạm Hoàng Gia Nghi	14	97	3.89	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b>								
<b>25. Lớp: DA2466A1</b>								
1	B2403185	Nguyễn Hoài Luân	13	92	3.65	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2403196	Trương Thị Huỳnh Như	13	92	3.77	Xuất sắc	8.260.000	
3	B2403197	Nguyễn Hồng Phát	13	94	3.77	Xuất sắc	8.260.000	
4	B2403198	Nguyễn Trọng Phúc	13	95	3.65	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>33.040.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.984.000 đồng</b>								
<b>26. Lớp: DA2466A2</b>								
1	B2403232	Lý Thanh An	13	97	3.62	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2403234	Huỳnh Ngọc Anh	13	87	3.58	Giỏi	7.080.000	
3	B2403239	Nguyễn Kim Châu	13	96	3.58	Giỏi	7.080.000	
4	B2403242	Lê Thị Mỹ Duyên	13	97	3.92	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>30.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng</b>								
<b>27. Lớp: DA2466A3</b>								
1	B2403326	Hồ Phát Huy	13	97	3.88	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2403334	Trần Vũ Khánh Linh	13	93	3.92	Xuất sắc	8.260.000	
3	B2403353	Nguyễn Hồ Quốc Sĩ	13	100	3.85	Xuất sắc	8.260.000	
4	B2403354	Trần Dương Băng Tâm	13	94	3.92	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>33.040.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng</b>								
<b>28. Lớp: DA2466A4</b>								
1	B2403382	Trần Thị Thúy An	13	90	3.92	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2403402	Trương Thị Ngọc Huyền	13	95	4	Xuất sắc	8.260.000	
3	B2403414	Bành Gia Ngân	13	95	3.92	Xuất sắc	8.260.000	
4	B2403452	Nguyễn Phương Vy	13	97	3.92	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>33.040.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng</b>								
<b>29. Lớp: DA2466T1</b>								
1	B2403464	Phan Nhã Trọng Đạt	14	81	3.57	Giỏi	11.220.000	
2	B2403479	Nguyễn Lê Ngọc Ngân	14	96	3.21	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.440.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng</b>								
<b>30. Lớp: DA2466T2</b>								
1	B2403476	Bùi Như Mơ	14	97	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.456.000 đồng</b>								
<b>31. Lớp: DA24U5A1</b>								
1	B2407889	Quách Thị Kim Đoàn	13	94	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2407930	Nguyễn Hoàng Tuấn Vỹ	13	100	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.960.000 đồng</b>								
<b>32. Lớp: NN2108F1</b>								
1	B2100766	Phạm Hồ Phương Anh	15	95	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2100780	Võ Trung Kiên	15	100	3.87	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.432.000 đồng</b>								
<b>33. Lớp: NN2108F2</b>								
1	B2107433	Dương Nhã Vy	15	97	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2107518	Lê Anh Thơ	15	91	3.8	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.188.000 đồng</b>								
<b>34. Lớp: NN2208A1</b>								
1	B2200061	Trần Hữu Duy	17	92	3.94	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2200065	Đặng Nguyễn Gia Hân	17	95	3.76	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2200077	Đặng Hoàng Lâm	17	97	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2200095	Cao Lữ Hoàng Phi	16	100	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 40.872.000 đồng</b>								
<b>35. Lớp: NN2208A2</b>								
1	B2200191	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	18	94	3.78	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2200203	Phan Thị Anh Thư	14	98	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2200213	Đào Phương Trúc	17	100	3.76	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2200219	Lê Thị Thúy Vi	16	96	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
5	B2200221	Lê Ngọc Thúy Vy	14	96	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>45.850.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 42.968.000 đồng</b>								
<b>36. Lớp: NN2208F1</b>								
1	B2200228	Nguyễn Ngô Phương Anh	14	97	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng</b>								
<b>37. Lớp: NN2208F2</b>								
1	B2200241	Nguyễn Võ Đức Huy	12	92	3.63	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.960.000 đồng</b>								
<b>38. Lớp: NN22U5A1</b>								
1	B2205185	Nguyễn Hoàng Kha	16	97	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2205202	Trần Tân Phát	16	94	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>39. Lớp: DI21V7F1</b>								
1	B2105661	Cao Tiến Anh	18	80	3.67	Giỏi	11.220.000	
2	B2105684	Lê Anh Quân	15	100	3.8	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.310.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.432.000 đồng</b>								
<b>40. Lớp: DI21V7F2</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2105662	Trần Duy Bảo Anh	18	90	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2105686	Kim Duy Thành	18	100	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b>								
<b>41. Lớp: DI21V7F3</b>								
1	B2111933	Trương Đặng Trúc Lâm	15	93	3.5	Giỏi	11.220.000	
2	B2112009	Đỗ Huy Thịnh	18	81	3.25	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.440.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b>								
<b>42. Lớp: DI21V7F4</b>								
1	B2111913	Nguyễn Phan Hồng An	18	80	3.75	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.220.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 8.228.000 đồng</b>								
<b>43. Lớp: DI2295A1</b>								
1	B2203452	Nguyễn Anh Kiệt	12	91	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203469	Trương Hữu Thái	12	100	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2203471	Nguyễn Ngọc Tâm Thi	13	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2203488	Lê Thị Yến Vy	13	100	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.012.000 đồng</b>								
<b>44. Lớp: DI2296A1</b>								
1	B2203509	Nguyễn Văn Lập	13	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203514	Khuu Thị Bích Ngọc	12	93	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2203523	Châu Trọng Phúc	16	100	3.91	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.152.000 đồng</b>								
<b>45. Lớp: DI2296F1</b>								
1	B2203567	Mai Nhật Minh	15	97	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2203588	Lê Lư Huyền Trân	15	97	4	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng</b>								
<b>46. Lớp: DI2296F2</b>								
1	B2203579	La Trí Tâm	13	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng</b>								
<b>47. Lớp: DI22D1A1</b>								
1	B2203608	Ngô Trúc Huỳnh	15	92	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2203630	Trần Ánh Phụng	15	99	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2203635	Huỳnh Đăng Thi	15	97	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.888.000 đồng</b>								
<b>48. Lớp: DI22D1A2</b>								
1	B2203654	Bùi Thị Thảo Duy	15	100	3.9	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2203663	Tô Quốc Khánh	15	100	3.9	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2203695	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	12	94	4	Xuất sắc	7.980.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.800.000 đồng</b>								
<b>49. Lớp: DI22D2A1</b>								
1	B2203708	Phan Thanh Bình	16	100	3.9	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203723	Võ Công Khanh	15	97	3.9	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2203727	Trương Quang Long	15	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.580.000 đồng</b>								
<b>50. Lớp: DI22T9A1</b>								
1	B2204965	Trương Văn Quy	12	98	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2204966	Ngô Hữu Thành	12	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2204974	Võ Thị Bảo Trân	12	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2204976	Nguyễn Lâm Trường	12	97	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.060.000 đồng</b>								
<b>51. Lớp: DI22V7A1</b>								
1	B2205869	Trần Công Huân	16	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2205889	Trương Thy Minh	14	96	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2205912	Nguyễn Hùng Thịnh	15	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2205918	Trần Nguyễn Nhật Trường	12	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.300.000 đồng</b>								
<b>52. Lớp: DI22V7F1</b>								
1	B2205972	Trần Tô Anh	17	97	3.91	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng</b>								
<b>53. Lớp: DI22V7F2</b>								
1	B2206022	Lâm Thế Vinh	17	95	3.91	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng</b>								
<b>54. Lớp: DI22Z6A1</b>								
1	B2205858	Nguyễn Hoàng Tiến Danh	12	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2207539	Tôn Minh Lộc	15	92	3.8	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2207550	Trần Hải Nhân	15	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2207555	Huỳnh Thanh Phong	12	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.584.000 đồng</b>								
<b>55. Lớp: DI2395A1</b>								
1	B2303759	Nguyễn Đức Lộc	12	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2303767	Phạm Huỳnh Ngân	13	99	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2303769	Nguyễn Minh Ngọc	12	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2303785	Phan Thị Huỳnh Trâm	13	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.536.000 đồng</b>								
<b>56. Lớp: DI2396A1</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2303795	Trần Quốc An	12	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2303813	Trần Thị Thúy Hiền	13	96	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2303832	Trần Văn Nghĩa	14	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2303849	Châu Ngọc Thịnh	13	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.060.000 đồng</b>								
<b>57. Lớp: DI2396F1</b>								
1	B2303907	Nguyễn Thị Ngọc Trân	13	100	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng</b>								
<b>58. Lớp: DI2396F2</b>								
1	B2303898	Nguyễn Thị Ngọc Quý	13	94	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng</b>								
<b>59. Lớp: DI23D1A1</b>								
1	B2303917	Nguyễn Mỹ Đình	14	97	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2303950	Trương Khánh Quyên	12	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2303959	Trần Anh Thy	12	98	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.360.000 đồng</b>								
<b>60. Lớp: DI23D1A2</b>								
1	B2303986	Lê Gia Huy	13	100	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2303993	Đỗ Thị Thúy Kiều	16	93	3.91	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2304002	Phan Ngọc Mỹ	14	95	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.992.000 đồng</b>								
<b>61. Lớp: DI23D2A1</b>								
1	B2304052	Nguyễn Chí Hùng	12	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2304069	Trần Quang Minh	12	98	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2304071	Nguyễn Thị Trúc Ngân	14	100	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.868.000 đồng</b>								
<b>62. Lớp: DI23T9A1</b>								
1	B2305574	Lưu Bá Hoàng	15	82	3.53	Giỏi	7.860.000	
2	B2305584	Lý Minh Khôi	15	88	3.7	Giỏi	7.860.000	
3	B2305608	Trương Thị Thanh Thảo	12	82	3.64	Giỏi	7.860.000	
4	B2305618	Trần Minh Tú	15	88	3.64	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.440.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.964.000 đồng</b>								
<b>63. Lớp: DI23V7A1</b>								
1	B2306556	Nguyễn Huy Lợi	13	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2306564	Lê Hoàng Nguyên	15	92	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2306573	Trần Minh Phú	12	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2306588	Ngô Dương Nhật Thượng	12	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
5	B2306598	Nguyễn Minh Tuấn	13	100	4	Xuất sắc	9.170.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
6	B2306603	Trần Anh Vũ	12	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>55.020.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 51.352.000 đồng</b>								
<b>64. Lớp: DI23V7F1</b>								
1	B2306669	Bùi Dương Quốc Khánh	12	99	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306694	Trần Trọng Văn	12	97	4	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2306695	Trần Hiếu Vi	12	97	4	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.270.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng</b>								
<b>65. Lớp: DI23Z6A1</b>								
1	B2308359	Nguyễn Hữu Thanh Hòa	14	93	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2308368	Nguyễn Minh Kiệt	13	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2308370	Nguyễn Lê Thảo My	13	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2308407	Huỳnh Ngọc Phi Yên	14	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.012.000 đồng</b>								
<b>66. Lớp: DI2495A1</b>								
1	B2404880	Nguyễn Tuyết Thơ	13	97	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2404886	Võ Quỳnh Trân	13	91	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.912.000 đồng</b>								
<b>67. Lớp: DI2495A2</b>								
1	B2404896	Nguyễn Hoàng Hào	14	90	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2404909	Võ Thị Cẩm Ly	15	95	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.912.000 đồng</b>								
<b>68. Lớp: DI2495F1</b>								
1	B2404942	Đào Thị Mỹ Huyền	12	93	3.27	Giỏi	11.220.000	
2	B2404946	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	14	77	3.18	Khá	9.350.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.570.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.456.000 đồng</b>								
<b>69. Lớp: DI2495F2</b>								
1	B2404957	Nguyễn Trường Ngân Phương	14	90	2.64	Khá	9.350.000	
2	B2404969	Dương Võ Quốc Tín	12	74	2.91	Khá	9.350.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.700.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng</b>								
<b>70. Lớp: DI2496A1</b>								
1	B2404990	Đặng Hữu Khang	15	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2405001	Thái Trường Nguyên	16	94	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2405012	Lâm Thị Anh Thư	13	95	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.056.000 đồng</b>								
<b>71. Lớp: DI2496A2</b>								
1	B2405021	Huỳnh Thiên Bảo	12	92	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2405036	Lê Tuấn Khang	15	100	3.83	Xuất sắc	9.170.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.532.000 đồng</b>								
<b>72. Lớp: DI2496F1</b>								
1	B2404997	Nguyễn Hoàng Long	13	92	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2405079	Trần Anh Khôi	13	97	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng</b>								
<b>73. Lớp: DI2496F2</b>								
1	B2405106	Lê Hoàng Anh	16	96	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2405134	Đặng Lam Sơn	16	94	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng</b>								
<b>74. Lớp: DI24D1A1</b>								
1	B2405390	Huỳnh Ngọc Yên Đoan	14	90	3.65	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2405419	Tiên Thị Ngọc Thảo	16	98	3.7	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2405423	Cao Nguyễn Cẩm Tiên	14	92	3.64	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng</b>								
<b>75. Lớp: DI24D1A2</b>								
1	B2405431	Châu Quỳnh Anh	12	98	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2405437	Huỳnh Trần Anh Đào	14	94	3.65	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2405460	Trần Thái Yên Oanh	15	97	3.6	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.976.000 đồng</b>								
<b>76. Lớp: DI24D2A1</b>								
1	B2405481	Đình Nam Anh	12	95	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2405491	Bùi Văn Duy	13	89	3.92	Giỏi	7.860.000	
3	B2405524	Lê Mai Thiên Tân	12	88	3.86	Giỏi	7.860.000	
4	B2405537	Trịnh Quốc Toán	14	84	3.88	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.060.000 đồng</b>								
<b>77. Lớp: DI24T9A1</b>								
1	B2407527	Nguyễn Lê Hữu Huân	13	90	3.46	Giỏi	7.860.000	
2	B2407543	Phạm Đoàn Minh Nhựt	12	75	3.09	Khá	6.550.000	
3	B2407549	Lưu Văn Thành	17	81	2.88	Khá	6.550.000	
4	B2407552	Nguyễn Anh Thư	14	100	3.12	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.152.000 đồng</b>								
<b>78. Lớp: DI24T9A2</b>								
1	B2407593	Lê Nhân	15	80	3.39	Giỏi	7.860.000	
2	B2407604	Võ Trần Duy Thường	14	95	3.36	Giỏi	7.860.000	
3	B2407614	Nguyễn Chí Văn	14	85	3.39	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.104.000 đồng</b>								
<b>79. Lớp: DI24V7A1</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2408782	Phan Văn Đạt	15	95	3.9	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2408805	Đặng Thị Hồng Ngọc	15	95	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2408830	Lê Nhã Trúc	13	92	3.85	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.392.000 đồng</b>								
<b>80. Lớp: DI24V7A2</b>								
1	B2408847	Lê Quân Hạo	14	99	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2408869	Thái Danh Nhân	15	90	3.89	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2408884	Nguyễn Lý Phúc Thịnh	14	100	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.440.000 đồng</b>								
<b>81. Lớp: DI24V7F1</b>								
1	B2408946	Bí Nhật Duy	12	91	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408955	Võ Tuấn Khải	13	90	3.96	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng</b>								
<b>82. Lớp: DI24V7F2</b>								
1	B2408994	Bùi Như Hưng	13	90	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409019	Nguyễn Cao Trí	13	90	4	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.424.000 đồng</b>								
<b>83. Lớp: DI24Z6A1</b>								
1	B2410656	Trần Vũ Bằng	15	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2410676	Nguyễn Minh Khôi	17	90	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2410681	Võ Hoàng Luân	14	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.724.000 đồng</b>								
<b>84. Lớp: DI24Z6A2</b>								
1	B2410712	Hà Tấn Đạt	14	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2410722	Nguyễn Thị Ngọc Huỳnh	15	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2410741	Châu Thành Phát	15	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.248.000 đồng</b>								
<b>85. Lớp: FL22V1A1</b>								
1	B2205389	Lê Đức Anh	17	100	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2205429	Lê Thị Diễm Tuyết	12	91	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2205453	Lê Huỳnh Bảo Ngân	16	97	3.81	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.976.000 đồng</b>								
<b>86. Lớp: FL22V1F1</b>								
1	B2205532	Nguyễn Ngọc Băng Châu	16	95	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2205535	Đỗ Nguyễn Gia Huy	14	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.432.000 đồng</b>								
<b>87. Lớp: FL22V1F2</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2205566	Võ Lâm Bảo Châu	15	95	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2205570	Vương Trần Gia Khang	17	97	4	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.188.000 đồng</b>								
<b>88. Lớp: FL22V1F3</b>								
1	B2205602	Nguyễn Thảo Hiền	15	90	3.9	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2205612	Nguyễn Bảo Nhi	15	100	3.9	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.188.000 đồng</b>								
<b>89. Lớp: FL22V1L1</b>								
1	C2200047	Nguyễn Tú Như	12	67	3.42	Khá	5.700.000	
2	C2200056	Lê Hữu Tình	14	67	3.43	Khá	5.700.000	
3	S2200002	Huỳnh Ngọc Lan Anh	19	76	3.66	Khá	5.700.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>17.100.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.152.000 đồng</b>								
<b>90. Lớp: FL22X1A1</b>								
1	B2206830	Nguyễn Hải Đăng	20	91	3.88	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2206832	Lê Ngọc Hà Giang	16	100	3.84	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 13.120.000 đồng</b>								
<b>91. Lớp: FL22X1A2</b>								
1	B2206897	Đỗ Ngọc Thanh Thúy	16	99	3.94	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2206903	Nguyễn Hữu Trọng	16	100	3.91	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 11.840.000 đồng</b>								
<b>92. Lớp: FL22X2A1</b>								
1	B2206924	Lê Trí Tỏ	17	94	3.85	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 4.160.000 đồng</b>								
<b>93. Lớp: FL22Z8A1</b>								
1	B2205393	Nguyễn Hà Thi Ân	17	100	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2205415	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	17	100	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2205431	Trần Ngọc Vy	17	100	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.784.000 đồng</b>								
<b>94. Lớp: FL22Z9A1</b>								
1	B2207611	Lương Ngọc Hà Phương	18	100	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2207620	Cao Hồng Ngọc Trâm	17	93	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								
<b>95. Lớp: FL23V1A1</b>								
1	B2306069	Võ Thụy Trà My	14	100	3.71	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2306111	Nguyễn Thị Trà Giang	14	96	3.89	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2306124	Nguyễn Thị Ngoan	14	98	3.89	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2306138	Phạm Phúc Tài	15	90	3.89	Xuất sắc	7.980.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.640.000 đồng</b>								
<b>96. Lớp: FL23V1F1</b>								
1	B2306222	Nguyễn Hà Giáng Ngọc	14	98	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306239	Võ Ngọc Thủy Tiên	13	100	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng</b>								
<b>97. Lớp: FL23V1F2</b>								
1	B2306287	Nguyễn Kim Tiên	12	100	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306288	Lưu Ngọc Trâm	12	100	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b>								
<b>98. Lớp: FL23V1F3</b>								
1	B2303224	Nguyễn Đỗ Thanh	13	94	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306238	Hoàng Thị Thương	13	100	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b>								
<b>99. Lớp: FL23V1L1</b>								
1	C2300012	Lâm Thị Thùy Dương	16	76	3.88	Khá	5.700.000	
2	C2300023	Võ Nguyễn Chí Tài	14	67	3.86	Khá	5.700.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.400.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 11.400.000 đồng</b>								
<b>100. Lớp: FL23X1A1</b>								
1	B2307536	Lê Hồng Đức	15	100	3.93	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2307565	Lê Ngọc Như Ý	14	96	3.92	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 12.160.000 đồng</b>								
<b>101. Lớp: FL23X1A2</b>								
1	B2307575	Lê Minh Hạnh	15	97	3.93	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2307591	Nguyễn Minh Tâm	15	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 11.200.000 đồng</b>								
<b>102. Lớp: FL23X2A1</b>								
1	B2307613	Nguyễn Bảo Ngọc	14	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 5.760.000 đồng</b>								
<b>103. Lớp: FL23Z8A1</b>								
1	B2306143	Võ Thị Bích Thơm	14	95	3.89	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2306144	Lê Anh Thư	18	92	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2306154	Ngô Tường Vy	14	95	3.89	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.872.000 đồng</b>								
<b>104. Lớp: FL23Z9A1</b>								
1	B2308408	Nguyễn Lê Khiết Anh	14	100	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2308436	Trần Mỹ Quỳnh	13	92	3.88	Xuất sắc	7.980.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.136.000 đồng</b>								
<b>105. Lớp: FL24V1A1</b>								
1	B2408308	Lê Phúc Gia Bảo	13	98	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2408326	Phạm Thị Thu Loan	15	94	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2408332	Trần Thị Hồng Ngọc	12	96	3.79	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.536.000 đồng</b>								
<b>106. Lớp: FL24V1A2</b>								
1	B2408203	Nguyễn Đăng Khoa	12	96	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2408238	Nguyễn Nhật Trường	12	100	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2408346	Phan Nhật Tân	15	100	3.8	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.536.000 đồng</b>								
<b>107. Lớp: FL24V1A3</b>								
1	B2408250	Nguyễn Hoàng Bi	14	93	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2408270	Hồ Xuân Nga	13	95	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2408273	Quách Xuân Ngọc	14	93	3.69	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.080.000 đồng</b>								
<b>108. Lớp: FL24V1F1</b>								
1	B2408431	Hoàng Trần Gia Anh	14	98	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408477	Nguyễn Huỳnh Khánh Vy	16	98	3.94	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng</b>								
<b>109. Lớp: FL24V1F2</b>								
1	B2408516	Nguyễn Ngọc Minh Thy	16	98	3.94	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408523	Bùi Nguyễn Tường Vy	16	98	3.84	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b>								
<b>110. Lớp: FL24V1F3</b>								
1	B2408473	Lưu Hoàng Minh Trúc	14	100	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng</b>								
<b>111. Lớp: FL24X1A1</b>								
1	B2409891	Lê Trần Thanh Ngân	14	98	4	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2409901	Đinh Hoàng Ngọc Phụng	14	98	4	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2409907	Trần Duy Thái	14	98	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.000.000 đồng</b>								
<b>112. Lớp: FL24X1A2</b>								
1	B2409923	Trang Quốc An	14	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2409937	Quách Tuyết Minh	14	98	4	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2409946	Nguyễn Ngọc Nhi	14	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.800.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.680.000 đồng</b>								
<b>113. Lớp: FL24X2A1</b>								
1	B2409990	Đoàn Thị Ngọc Tú	15	100	3.93	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 4.800.000 đồng</b>								
<b>114. Lớp: FL24Z8A1</b>								
1	B2408148	Thái Trúc Linh	13	98	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2408234	Nguyễn Thị Anh Thư	13	98	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2408294	Nguyễn Trần Hoàng Thy	15	100	3.87	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.448.000 đồng</b>								
<b>115. Lớp: FL24Z9A1</b>								
1	B2410766	Bùi Thị Ngọc Hân	13	80	3.69	Giỏi	6.840.000	
2	B2410783	Nguyễn Hà Yến Nhi	13	81	4	Giỏi	6.840.000	
3	B2410806	Lâm Hải Yến	13	84	3.77	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								
<b>116. Lớp: FL24Z9A2</b>								
1	B2410823	Châu Khánh Linh	13	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2410830	Nguyễn Trần Minh Nghi	13	100	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.608.000 đồng</b>								
<b>117. Lớp: HG2222A1</b>								
1	B2201117	Lê Minh Thắng	20	91	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2201120	Lê Anh Thư	17	96	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.416.000 đồng</b>								
<b>118. Lớp: HG2223A1</b>								
1	B2201369	Võ Văn Chế Linh	16	100	3.91	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2201401	Nguyễn Như Ý	16	84	3.63	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>17.030.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.148.000 đồng</b>								
<b>119. Lớp: HG2263A1</b>								
1	B2201785	Trần Thị Thu Hiền	19	96	3.66	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2201819	Dương Thị Phương Trúc	19	92	3.68	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.696.000 đồng</b>								
<b>120. Lớp: HG22U7A1</b>								
1	B2205258	Nguyễn Thị Diễm Tâm	17	83	3.68	Giỏi	7.860.000	
2	B2205271	Nguyễn Thị Hồng Trúc	20	95	3.6	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>17.030.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.148.000 đồng</b>								
<b>121. Lớp: HG22U7A2</b>								
1	B2205280	Đặng Thị Kim Duyên	20	88	3.85	Giỏi	7.860.000	
2	B2205297	Nguyễn Thị Ai Mơ	20	97	3.6	Xuất sắc	9.170.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>17.030.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.292.000 đồng</b>								
<b>122. Lớp: HG22V1A1</b>								
1	B2205488	Võ Lê Thành Đạt	16	94	3.94	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2205511	Nguyễn Ngọc Thảo	16	100	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.240.000 đồng</b>								
<b>123. Lớp: HG22V7A1</b>								
1	B2205955	Trần Thanh Phúc	14	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2205957	Trịnh Minh Tân	14	99	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.768.000 đồng</b>								
<b>124. Lớp: HG22W8A1</b>								
1	B2206805	Nguyễn Chánh Niệm	20	100	3.95	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206807	Nguyễn Ngọc Nhật Quyên	20	100	3.95	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.592.000 đồng</b>								
<b>125. Lớp: HG2322A1</b>								
1	B2301243	Nguyễn Thị Dàng	14	95	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2301270	Triệu Đức Tiến	13	96	3.81	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.504.000 đồng</b>								
<b>126. Lớp: HG2323A1</b>								
1	B2301567	Phan Khánh Luân	15	87	3.46	Giỏi	7.860.000	
2	B2301591	Nguyễn Thành Tài	15	98	3.43	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.720.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.340.000 đồng</b>								
<b>127. Lớp: HG2323A2</b>								
1	B2301558	Nguyễn Xuân Huy	15	86	3.25	Giỏi	7.860.000	
2	B2301576	Lâm Thị Hồng Ngọc	15	95	3.21	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.720.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.292.000 đồng</b>								
<b>128. Lớp: HG2363A1</b>								
1	B2301953	Dương Thị Minh Châu	17	84	3.47	Giỏi	6.840.000	
2	B2301985	Lê Thảo Nguyên	16	94	3.57	Giỏi	6.840.000	
3	B2301987	Huỳnh Duy Nguyễn	16	96	3.44	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.152.000 đồng</b>								
<b>129. Lớp: HG2363A2</b>								
1	B2301978	Nguyễn Thị Diễm My	16	90	3.2	Giỏi	6.840.000	
2	B2302039	Đỗ Ngọc Khả Vy	13	82	3.31	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.960.000 đồng</b>								
<b>130. Lớp: HG23U7A1</b>								
1	B2305874	Đinh Thị Mỹ Huyền	18	85	3.65	Giỏi	7.860.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2305885	Phạm Quốc Lực	13	85	3.25	Giỏi	7.860.000	
3	B2305915	Nguyễn Thị Mộng Trúc	18	80	3.09	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.270.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.960.000 đồng</b>								
<b>131. Lớp: HG23U7A2</b>								
1	B2305948	Lê Thị Mỹ Linh	15	98	2.82	Khá	6.550.000	
2	B2305967	Nguyễn Hữu Thoại	13	88	3.38	Giỏi	7.860.000	
3	B2305980	Huỳnh Thị Cẩm Tú	13	81	3	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.436.000 đồng</b>								
<b>132. Lớp: HG23V1A1</b>								
1	B2306175	Võ Vân Nhi	14	98	3.89	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2306180	Trần Phan Diễm Quỳnh	15	95	3.89	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.872.000 đồng</b>								
<b>133. Lớp: HG23V7A1</b>								
1	B2306615	Võ Hữu Hiệu	18	82	3.5	Giỏi	7.860.000	
2	B2306648	Lê Hoàng Tú	15	100	3.29	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.720.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.340.000 đồng</b>								
<b>134. Lớp: HG23W8A1</b>								
1	B2307474	Trang Hồng Duyên	14	98	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2307476	Nguyễn Thị Hồng Đăng	14	91	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.592.000 đồng</b>								
<b>135. Lớp: HG2422A1</b>								
1	B2401727	Lê Thị Vân Anh	13	87	3.54	Giỏi	6.840.000	
2	B2401732	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	16	87	3.56	Giỏi	6.840.000	
3	B2401795	Nguyễn Thị Vân Ý	13	92	3.5	Giỏi	6.840.000	
4	B2401799	Lê Thị Như Ý	16	91	3.63	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>28.500.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.904.000 đồng</b>								
<b>136. Lớp: HG2423A1</b>								
1	B2402140	Trần Trung Kiên	14	95	2.86	Khá	6.550.000	
2	B2402166	Võ Thị Ánh Ngọc	13	75	2.77	Khá	6.550.000	
3	B2402197	Nguyễn Thị Phương Thảo	13	73	2.73	Khá	6.550.000	
4	B2402202	Trần Nguyễn Phúc Thịnh	13	94	2.77	Khá	6.550.000	
5	B2402203	Trần Trương Trường Thịnh	13	75	2.81	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.868.000 đồng</b>								
<b>137. Lớp: HG2423A2</b>								
1	B2402094	Mai Hồng Anh	13	96	3	Khá	6.550.000	
2	B2402108	Nguyễn Tuấn Duy	14	92	3.21	Giỏi	7.860.000	
3	B2402120	Nguyễn Như Hào	12	79	3.04	Khá	6.550.000	
4	B2402204	Nguyễn Phương Thuận	16	79	3.06	Khá	6.550.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
5	B2402218	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	13	75	3.04	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>34.060.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.964.000 đồng</b>								
<b>138. Lớp: HG2463A1</b>								
1	B2403072	Lê Thị Lài	15	91	3.3	Giỏi	6.840.000	
2	B2403084	Phan Trung Nhân	15	97	3.4	Giỏi	6.840.000	
3	B2403097	Nguyễn Thanh Cẩm Tiên	15	91	3.4	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.608.000 đồng</b>								
<b>139. Lớp: HG2463A2</b>								
1	B2403108	Nguyễn Thị Hồng Cúc	12	90	3.25	Giỏi	6.840.000	
2	B2403114	Nguyễn Ngọc Hân	12	89	3.25	Giỏi	6.840.000	
3	B2403123	Lê Mỹ Linh	13	97	3.25	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.152.000 đồng</b>								
<b>140. Lớp: HG24N2A1</b>								
1	B2405968	Phan Nguyễn Phương Anh	15	90	3.57	Giỏi	6.840.000	
2	B2406002	Đoàn Thanh Tuyền	15	90	3.57	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.048.000 đồng</b>								
<b>141. Lớp: HG24U7A1</b>								
1	B2407938	Trần Xuân Diệu	12	77	3.14	Khá	6.550.000	
2	B2407957	Phan Thị Thanh Mai	12	98	2.5	Khá	6.550.000	
3	B2407977	Lưu Huỳnh Thúy Thanh	12	87	2.59	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>19.650.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.436.000 đồng</b>								
<b>142. Lớp: HG24U7A2</b>								
1	B2408012	Trần Quốc Huy	12	93	3	Khá	6.550.000	
2	B2408023	Đặng Kim Ngân	12	86	3.36	Giỏi	7.860.000	
3	B2408030	Lê Trọng Nghĩa Nhân	16	93	3.13	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>143. Lớp: HG24V1A1</b>								
1	B2408365	Ngô Trường An	14	96	3.61	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2408370	Trần Minh Duy	14	97	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2408415	Nguyễn Hoàng Minh Thư	14	91	3.68	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.448.000 đồng</b>								
<b>144. Lớp: HG24V7A1</b>								
1	B2408898	Nguyễn Gia Bảo	15	97	3.9	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2408904	Trần Thanh Hà	15	95	3.9	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.436.000 đồng</b>								
<b>145. Lớp: KH2269A1</b>								
1	B2202552	Tăng Bảo Phúc	16	97	3.94	Xuất sắc	8.260.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2202553	Lê Ngọc Quang	16	97	4	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.464.000 đồng</b>								
<b>146. Lớp: KH2269A2</b>								
1	B2202583	Hứa Đăng Khôi	18	84	3.56	Giỏi	7.080.000	
2	B2202588	Nguyễn Thị Xuân Mai	15	81	3.33	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.160.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.992.000 đồng</b>								
<b>147. Lớp: KH2289A1</b>								
1	B2203207	Lê Duyên Ái	15	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203212	Nguyễn Hữu Giang	15	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.960.000 đồng</b>								
<b>148. Lớp: KH2289A2</b>								
1	B2203263	Bùi Thị Huỳnh Mi	14	94	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203279	Hoàng Minh Thành	19	94	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.816.000 đồng</b>								
<b>149. Lớp: KH2294A1</b>								
1	B2203381	Đỗ Thị Ngọc Diễm	14	85	3.86	Giỏi	7.080.000	
2	B2203388	Nguyễn Thúy Huyền	18	91	3.58	Giỏi	7.080.000	
3	B2203409	Lê Bảo Phím	20	87	3.63	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>21.240.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.880.000 đồng</b>								
<b>150. Lớp: KH22D3A1</b>								
1	B2202161	Huỳnh Ngọc Gia Hân	20	97	3.58	Giỏi	7.860.000	
2	B2203768	Nguyễn Thị Thanh Ngân	17	97	3.68	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2203777	Lê Đông Phương	16	97	3.77	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.152.000 đồng</b>								
<b>151. Lớp: KH22D3A2</b>								
1	B2203818	Trần Bạch Mai	14	97	3.82	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203833	Nguyễn Thị Thảo Sương	17	91	3.76	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2203851	Phạm Như Ý	17	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.104.000 đồng</b>								
<b>152. Lớp: KH22T3A1</b>								
1	B2204308	Phan Hữu Nghĩa	14	99	3.89	Xuất sắc	9.856.000	
2	B2204329	Châu Thái Vinh	12	97	4	Xuất sắc	9.856.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>19.712.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.780.800 đồng</b>								
<b>153. Lớp: KH22T3A2</b>								
1	B2204344	Phương Nhựt Khanh	14	100	4	Xuất sắc	9.856.000	
2	B2204360	Trần Thiện Phước	12	94	4	Xuất sắc	9.856.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>19.712.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.964.800 đồng</b>								
<b>154. Lớp: KH22U1A1</b>								
1	B2204989	Nguyễn Thành Đạt	15	92	3.8	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2205025	Lê Trần Ngọc Trâm	13	94	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.436.000 đồng</b>								
<b>155. Lớp: KH2369A1</b>								
1	B2302774	Đặng Thành Nam	13	88	3.42	Giỏi	7.080.000	
2	B2302784	Lê Tấn Tài	12	89	3.46	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.160.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.048.000 đồng</b>								
<b>156. Lớp: KH2369A2</b>								
1	B2302808	Ngô Quốc Khanh	15	82	3.47	Giỏi	7.080.000	
2	B2302817	Nguyễn Nhân	14	86	3.5	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.160.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.992.000 đồng</b>								
<b>157. Lớp: KH2389A1</b>								
1	B2303537	Nguyễn Phước Nhân	15	95	3.89	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2303557	Nguyễn Tường Vy	12	98	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.912.000 đồng</b>								
<b>158. Lớp: KH2389A2</b>								
1	B2303576	Hồ Hữu Lợi	16	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2303578	Trần Phúc Minh	15	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.008.000 đồng</b>								
<b>159. Lớp: KH2394A1</b>								
1	B2303701	Nguyễn Tiết Lan Hương	15	100	4	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2303724	Đặng Ngọc Trai	15	100	3.93	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.520.000 đồng</b>								
<b>160. Lớp: KH23D3A1</b>								
1	B2304105	Trần Hồ Bảo Hân	14	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2304119	Phan Thị Nhanh	14	93	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2304136	Lê Thanh Tới	15	92	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.056.000 đồng</b>								
<b>161. Lớp: KH23D3A2</b>								
1	B2302187	Nguyễn Hứa Thiện Tâm	17	98	3.94	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2304183	Phạm Thị Anh Thư	16	94	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.960.000 đồng</b>								
<b>162. Lớp: KH23T3A1</b>								
1	B2304962	Nguyễn Thị Hằng Nga	14	100	3.89	Xuất sắc	9.856.000	
2	B2304967	Nguyễn Thành Phúc	13	100	3.85	Xuất sắc	9.856.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2304973	Thi Nhật Thành	13	99	3.92	Xuất sắc	9.856.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>29.568.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.907.200 đồng</b>								
<b>163. Lớp: KH23T3A2</b>								
1	B2304992	Lâm Xuân Bách	12	94	4	Xuất sắc	9.856.000	
2	B2304995	Trần Tấn Điền	15	95	4	Xuất sắc	9.856.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>19.712.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.654.400 đồng</b>								
<b>164. Lớp: KH23U1A1</b>								
1	B2305620	Đỗ Huỳnh Tuấn Anh	15	94	3.8	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2305641	Phan Thị Chúc Lo	13	97	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2305663	Ngô Nguyễn Bảo Trân	16	97	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.580.000 đồng</b>								
<b>165. Lớp: KH2469A1</b>								
1	B2403734	Nguyễn Minh An	12	87	3.75	Giỏi	7.080.000	
2	B2403748	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	14	95	3.5	Giỏi	7.080.000	
3	B2403768	Danh Bình Nhưõng	13	97	3.77	Xuất sắc	8.260.000	
4	B2403775	Lê Hoàng Sơn	12	80	3.54	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>29.500.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.432.000 đồng</b>								
<b>166. Lớp: KH2469A2</b>								
1	B2403820	Phạm Thị Ngọc Mai	13	97	3.67	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2403842	Trần Quang Thắng	12	97	3.67	Xuất sắc	8.260.000	
3	B2403848	Nguyễn Minh Triết	12	95	3.63	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.780.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.904.000 đồng</b>								
<b>167. Lớp: KH2489A1</b>								
1	B2404586	Lê Thị Bảo Châu	12	80	3.64	Giỏi	7.860.000	
2	B2404595	Nguyễn Thị Diễm Hồng	12	100	3.68	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2404608	Đoàn Bảo Ngọc	14	100	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.628.000 đồng</b>								
<b>168. Lớp: KH2489A2</b>								
1	B2404651	Võ Minh Khôi	12	88	3.5	Giỏi	7.860.000	
2	B2404665	Thái Huỳnh Nhâm Phụng	12	100	3.41	Giỏi	7.860.000	
3	B2404667	Hồ Thiện Minh Tân	12	97	3.55	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.056.000 đồng</b>								
<b>169. Lớp: KH2494A1</b>								
1	B2404773	Nguyễn Thị Loan Em	12	100	3.42	Giỏi	7.080.000	
2	B2404801	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	14	85	3.25	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.160.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.520.000 đồng</b>								
<b>170. Lớp: KH2494A2</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2404840	Trần Lê Hưng Thịnh	13	100	3.42	Giỏi	7.080.000	
2	B2404846	Võ Minh Tú	12	96	3.38	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.160.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.104.000 đồng</b>								
<b>171. Lớp: KH24D3A1</b>								
1	B2405565	Lê Thị Mỹ Khánh	12	91	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2405575	Phạm Nguyễn Ái Nhân	13	90	3.46	Giỏi	7.860.000	
3	B2405592	Lư Thị Ngọc Trinh	13	81	3.25	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.104.000 đồng</b>								
<b>172. Lớp: KH24D3A2</b>								
1	B2405606	Nguyễn Ngọc Duyên	13	82	3.65	Giỏi	7.860.000	
2	B2405613	Lê Thị Diệu Hiền	12	90	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2405628	Nguyễn Thanh Nhớ	14	98	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.056.000 đồng</b>								
<b>173. Lớp: KH24T3A1</b>								
1	B2406765	Nguyễn Minh Hiền	12	100	3.71	Xuất sắc	9.856.000	
2	B2406780	Wang Mỹ Ngọc	12	93	3.75	Xuất sắc	9.856.000	
3	B2406803	Phạm Thanh Yên	13	91	4	Xuất sắc	9.856.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>29.568.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.160.000 đồng</b>								
<b>174. Lớp: KH24T3A2</b>								
1	B2406815	Nguyễn Gia Hân	12	97	3.71	Xuất sắc	9.856.000	
2	B2406841	Lê Ngọc Thiên Thảo	13	92	3.88	Xuất sắc	9.856.000	
3	B2406851	Võ Hiếu Văn	12	92	3.88	Xuất sắc	9.856.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>29.568.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.470.400 đồng</b>								
<b>175. Lớp: KH24U1A1</b>								
1	B2407629	Bùi Trung Hiếu	13	81	3.5	Giỏi	7.860.000	
2	B2407645	Huỳnh Trọng Phúc	13	100	3.5	Giỏi	7.860.000	
3	B2407666	Ngô Bùi Kiều Ngọc Như Ý	13	97	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>176. Lớp: KH24U1A2</b>								
1	B2407679	Lê Thái Hoà	15	77	3.3	Khá	6.550.000	
2	B2407685	Phạm Xuân May	14	90	3.29	Giỏi	7.860.000	
3	B2407706	Nguyễn Hữu Tình	13	97	3.12	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.008.000 đồng</b>								
<b>177. Lớp: KT2121F1</b>								
1	B2101277	Huỳnh Ngọc Hoa	16	100	3.91	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2101290	Lý Nhựt Minh	16	100	3.91	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2108235	Châu Bội Trân	16	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.270.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b>								
<b>178. Lớp: KT2121F2</b>								
1	B2108203	Nguyễn Hoàng Minh	16	93	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2108212	Đặng Tài Nguyên	16	93	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b>								
<b>179. Lớp: KT21W4F1</b>								
1	B2112421	Ngũ Ngọc Châu	12	95	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2112457	Lê Cường Thịnh	12	92	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng</b>								
<b>180. Lớp: KT21W4F2</b>								
1	B2105977	Trần Lê Bảo Ngọc	12	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2112452	Đỗ Hoàng Quyên	14	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b>								
<b>181. Lớp: KT21W4F3</b>								
1	B2105959	Nguyễn Thị Vân Anh	18	98	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2106026	Nguyễn Ngọc Trí	12	100	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.424.000 đồng</b>								
<b>182. Lớp: KT21W4F4</b>								
1	B2112408	Nguyễn Thị Thu Uyên	12	92	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 12.716.000 đồng</b>								
<b>183. Lớp: KT2220A1</b>								
1	B2200770	Nguyễn Quốc Huy	13	94	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2200771	Trần Thị Mỹ Huyền	13	94	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2200779	Huỳnh Thị Ngọc Liên	13	100	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2200814	Nguyễn Thị Thùy Trang	13	96	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.288.000 đồng</b>								
<b>184. Lớp: KT2221A1</b>								
1	B2200830	Nguyễn Thị Nhật Anh	14	94	3.68	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2200865	Lê Hải Ngân	13	93	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2200866	Nguyễn Ngọc Ngân	13	92	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2200878	Lưu Ái Thân	17	92	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.288.000 đồng</b>								
<b>185. Lớp: KT2221F1</b>								
1	B2200903	Đoàn Nguyễn Thiên Ân	17	95	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2200935	Bùi Lê Thanh Triết	19	95	3.84	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2206147	Bùi Mã Ngọc My	19	91	3.84	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.270.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.148.000 đồng</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>186. Lớp: KT2221F2</b>								
1	B2200977	Nguyễn Thị Diễm Trang	17	93	3.68	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2200979	Nguyễn Kim Trọng	18	91	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng</b>								
<b>187. Lớp: KT2222A1</b>								
1	B2201005	Phan Thị Diễm My	14	100	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2201022	Trần Diễm Thùy	14	95	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2201025	Lê Bảo Tín	12	96	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.712.000 đồng</b>								
<b>188. Lớp: KT2222A2</b>								
1	B2201050	Quách Trần Minh Khôi	13	99	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2201058	Nguyễn Kim Ngân	14	93	3.82	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2201078	Nguyễn Thị Kim Truyền	14	97	3.82	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.256.000 đồng</b>								
<b>189. Lớp: KT2222F1</b>								
1	B2201148	Lê Nguyễn Hiếu Nhân	15	91	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2201150	Nguyễn Thị Ý Nhi	15	96	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng</b>								
<b>190. Lớp: KT2222F2</b>								
1	B2201196	Trần Quỳnh Như	15	92	3.7	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2201199	Nguyễn Đăng Quang	15	91	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b>								
<b>191. Lớp: KT2223A1</b>								
1	B2201243	Nguyễn Thị Mỹ Linh	16	97	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2201260	Phạm Minh Phương	17	92	3.94	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2201277	Đàm Thị Ngọc Trân	12	92	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2201282	Trần Tú Uyên	12	91	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.536.000 đồng</b>								
<b>192. Lớp: KT2223A2</b>								
1	B2201307	Nguyễn Như Huyền	12	98	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2201318	Phạm Quốc Minh	17	96	3.94	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2201319	Dương Hà My	14	92	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2201354	Huỳnh Thanh Vũ	14	98	3.89	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.060.000 đồng</b>								
<b>193. Lớp: KT2245A1</b>								
1	B2201920	Phan Thị Ngọc Diễm	12	94	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2201932	Lê Khả Hân	12	94	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2201953	Đặng Quỳnh Ngân	12	90	3.92	Xuất sắc	7.980.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
4	B2201985	Võ Minh Trí	15	95	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
5	B2201998	Lưu Hoàng Yến	15	98	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.900.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.304.000 đồng</b>								
<b>194. Lớp: KT2290A1</b>								
1	B2203301	Nguyễn Anh Kiệt	16	97	3.5	Giỏi	6.840.000	
2	B2203308	Nguyễn Minh Ngọc	16	86	3.63	Giỏi	6.840.000	
3	B2203333	Ngô Tường Vy	17	85	3.56	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.240.000 đồng</b>								
<b>195. Lớp: KT2290A2</b>								
1	B2203336	Nguyễn Thảo An	14	90	3.71	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2203360	Nguyễn Thị Thảo Quyên	16	87	3.88	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.820.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.960.000 đồng</b>								
<b>196. Lớp: KT22V5A1</b>								
1	B2205651	Trần Gia Linh	12	92	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2205664	Lưu Thị Ngọc Nguyên	12	97	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2205669	Phạm Thị Yến Nhi	14	95	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2205693	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	15	95	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.464.000 đồng</b>								
<b>197. Lớp: KT22W1A1</b>								
1	B2206136	Huỳnh Thị Ngọc Chăm	12	95	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206138	Huỳnh Trần Kim Duyên	12	95	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.696.000 đồng</b>								
<b>198. Lớp: KT22W1A2</b>								
1	B2206179	Bùi Thị Kim Chi	19	91	3.87	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206203	Nguyễn Chí Thanh	13	100	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.784.000 đồng</b>								
<b>199. Lớp: KT22W2A1</b>								
1	B2206237	Nguyễn Hoài Nhon	13	98	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206249	Trương Kim Tuyền	18	97	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.416.000 đồng</b>								
<b>200. Lớp: KT22W2A2</b>								
1	B2206258	Trần Thị Thùy Dương	13	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206281	Phan Đăng Minh Thư	13	92	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.960.000 đồng</b>								
<b>201. Lớp: KT22W2F1</b>								
1	B2206331	Nguyễn Thị Thanh Thảo	17	92	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2206354	Ứng Triệu Vy	15	90	3.83	Xuất sắc	13.090.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2206355	Phạm Huỳnh Như Ý	15	91	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.270.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.896.000 đồng</b>								
<b>202. Lớp: KT22W3A1</b>								
1	B2206381	Trần Thanh Quốc	13	98	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206387	Ngô Thị Minh Thư	12	100	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.696.000 đồng</b>								
<b>203. Lớp: KT22W3A2</b>								
1	B2206406	Võ Thị Thu Hương	14	100	3.79	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206437	Bùi Thị Hồng Tươi	14	91	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.784.000 đồng</b>								
<b>204. Lớp: KT22W4A1</b>								
1	B2206445	Lê Quốc Cường	16	92	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206456	Nguyễn Thị Thanh Liêm	13	94	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.784.000 đồng</b>								
<b>205. Lớp: KT22W4A2</b>								
1	B2206508	Dương Thị Thảo Sương	16	95	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206511	Thạch Trần Bảo Trân	19	97	3.84	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.152.000 đồng</b>								
<b>206. Lớp: KT22W4F1</b>								
1	B2206522	Trần Nguyễn Gia Bảo	13	95	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2206553	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	13	98	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng</b>								
<b>207. Lớp: KT22W4F2</b>								
1	B2206568	Nguyễn Thị Hương Giang	12	100	3.9	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2206579	Trương Nguyễn Trà My	12	95	3.7	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng</b>								
<b>208. Lớp: KT2320A1</b>								
1	B2300938	Trần Thị Mai	14	94	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2300951	Nguyễn Lê Yên Nhi	13	98	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2300970	Nguyễn Minh Thư	16	95	3.9	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2300985	Nguyễn Thị Hải Yên	14	96	4	Xuất sắc	7.980.000	
5	B2300986	Võ Thị Hải Yên	14	96	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.900.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.024.000 đồng</b>								
<b>209. Lớp: KT2321A1</b>								
1	B2300989	Lê Tuấn Anh	13	91	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2301003	Lưu Ngọc Hân	12	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2301012	Nguyễn Ngọc Liên	12	90	4	Xuất sắc	7.980.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
4	B2301056	Nguyễn Thúy Vy	13	92	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
5	B2302172	Lâm Nguyễn Trúc Nguyên	13	95	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.900.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.304.000 đồng</b>								
<b>210. Lớp: KT2321F1</b>								
1	B2301079	Trần Minh Nhật	17	98	3.91	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2301085	Đặng Kim Sang	17	98	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.180.000 đồng</b>								
<b>211. Lớp: KT2321F2</b>								
1	B2301104	Ngô Thanh Hương	17	96	3.76	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2301106	Trần Thị Thùy Linh	17	98	3.85	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng</b>								
<b>212. Lớp: KT2322A1</b>								
1	B2301134	Trần Hồ Phương Anh	15	100	3.82	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2301138	Đào Kim Chúc	14	98	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2301174	Lê Ngọc Anh Thư	13	93	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.800.000 đồng</b>								
<b>213. Lớp: KT2322A2</b>								
1	B2301191	Dương Thị Ngọc Chi	16	95	3.81	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2301196	Võ Quốc Hào	14	98	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2301228	Lê Thị Thanh Thúy	14	98	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.976.000 đồng</b>								
<b>214. Lớp: KT2322F1</b>								
1	B2301301	Lý Tấn Lộc	15	95	3.36	Giỏi	11.220.000	
2	B2301304	Tô Thiện Mỹ	15	89	3.46	Giỏi	11.220.000	
3	B2301305	Huỳnh Thị Kim Ngân	15	81	3.5	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>33.660.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng</b>								
<b>215. Lớp: KT2322F2</b>								
1	B2301375	Lê Ngọc Thanh Tuyền	15	100	3.71	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2301377	Lê Minh Vỹ	15	98	3.71	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng</b>								
<b>216. Lớp: KT2322L1</b>								
1	C2300054	Huỳnh Thành Đạt	18	77	3.44	Khá	5.700.000	
2	S2300042	Nguyễn Lê Phương	15	67	3.43	Khá	5.700.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.400.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 11.856.000 đồng</b>								
<b>217. Lớp: KT2323A1</b>								
1	B2301390	Phạm Hữu Dư	20	98	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2301391	Lý Trọng Đại	15	95	3.75	Xuất sắc	9.170.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2301394	Võ Thị Trúc Giang	17	94	3.91	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2301447	Trần Thanh Trúc	17	92	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.536.000 đồng</b>								
<b>218. Lớp: KT2323A2</b>								
1	B2301453	Đỗ Hồng Nhật Anh	14	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2301463	Sơn Hoàng Mỹ Duyên	12	93	3.91	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2301490	Nguyễn Bảo Nghi	16	93	3.77	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2301513	Võ Văn Toàn	16	98	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.536.000 đồng</b>								
<b>219. Lớp: KT2345A1</b>								
1	B2302146	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	16	100	3.87	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2302161	Phạm Thị Cẩm Hương	12	98	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2302192	Châu Thị Minh Thi	14	98	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2302206	Nguyễn Thị Kim Vàng	14	100	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.920.000 đồng</b>								
<b>220. Lớp: KT2390A1</b>								
1	B2303617	Nguyễn Trần Thiên Kim	18	85	3.21	Giỏi	6.840.000	
2	B2303633	Trần Ngọc Anh Thư	16	83	3.57	Giỏi	6.840.000	
3	B2303639	Trần Ngọc Tú	13	89	3.63	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								
<b>221. Lớp: KT2390A2</b>								
1	B2303662	Tạ Thị Kim Ngân	17	83	3.53	Giỏi	6.840.000	
2	B2303665	Đỗ Thị Ý Nhi	13	96	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.820.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.960.000 đồng</b>								
<b>222. Lớp: KT23V5A1</b>								
1	B2306303	Lâm Gia Hân	13	98	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2306314	Trần Khánh Linh	14	94	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2306359	Huỳnh Thái Vỹ	14	95	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2306361	Hồng Huỳnh Bảo Yến	16	98	3.9	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.184.000 đồng</b>								
<b>223. Lớp: KT23W1A1</b>								
1	B2306826	Nguyễn Thị Kiều Nga	17	100	3.72	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2306833	Nguyễn Quỳnh Như	13	95	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.696.000 đồng</b>								
<b>224. Lớp: KT23W1A2</b>								
1	B2306849	Huỳnh Thế Anh	13	94	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2306868	Nguyễn Đan Mẫn	15	96	3.87	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.240.000 đồng</b>								
<b>225. Lớp: KT23W2A1</b>								
1	B2306899	Võ Thị Trúc Hà	15	93	3.63	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2306900	Trương Kim Hoa	17	98	3.84	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2306911	Lâm Bảo Ngọc	18	98	3.78	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.432.000 đồng</b>								
<b>226. Lớp: KT23W2A2</b>								
1	B2306936	Bùi Nguyễn Ngọc Anh	15	95	3.9	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2306976	Nguyễn Thị Vân	15	98	3.82	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								
<b>227. Lớp: KT23W2F1</b>								
1	B2306994	Nguyễn Thị Mỹ Hương	13	98	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2307005	Phan Thị Mỹ Như	14	97	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2307028	Nguyễn Thị Nhã Yên	12	100	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.270.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.912.000 đồng</b>								
<b>228. Lớp: KT23W3A1</b>								
1	B2307045	Chiêm Bảo Ngân	15	95	3.82	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2307073	Trần Thị Mỹ Xuân	15	97	3.9	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.152.000 đồng</b>								
<b>229. Lớp: KT23W3A2</b>								
1	B2307081	Nguyễn Thị Bích Duyên	15	97	3.89	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2307093	Nguyễn Huỳnh Nhi	14	93	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2307115	Nguyễn Thị Thảo Vân	15	97	3.89	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.784.000 đồng</b>								
<b>230. Lớp: KT23W4A1</b>								
1	B2307120	Trần Quốc Anh	13	96	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2307137	Lê Thị Mẫn	13	98	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2307143	Nguyễn Thị Tuyết Nghi	13	93	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.976.000 đồng</b>								
<b>231. Lớp: KT23W4A2</b>								
1	B2307178	Trần Văn Khuôn	13	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2307180	Võ Tấn Lộc	13	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.240.000 đồng</b>								
<b>232. Lớp: KT23W4F1</b>								
1	B2307208	Trần Nguyễn Tuấn Anh	19	97	3.87	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2307224	Nguyễn Ngọc Ngân	19	97	4	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.424.000 đồng</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>233. Lớp: KT23W4F2</b>								
1	B2307263	Nguyễn Minh Long	20	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2307265	Nguyễn Lê Ngọc Ngân	20	96	3.95	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b>								
<b>234. Lớp: KT2420A1</b>								
1	B2401259	Nguyễn Phan Bảo Nghi	17	100	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2401262	Trần Bích Ngọc	17	95	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2401291	Trần Thị Thùy Trang	14	96	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.256.000 đồng</b>								
<b>235. Lớp: KT2420A2</b>								
1	B2401328	Lê Kim Hương	17	100	3.74	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2401366	Lưu Phước Thịnh	17	93	3.65	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2401372	Nguyễn Thị Kiều Tiên	17	98	3.62	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.624.000 đồng</b>								
<b>236. Lớp: KT2420A3</b>								
1	B2401281	Huỳnh Minh Thi	17	93	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2401282	Trần Nguyễn Ngọc Thi	17	100	3.91	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2401284	Nguyễn Thị Diễm Thúy	17	93	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2401361	Bùi Ngọc Lan Thanh	17	93	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.800.000 đồng</b>								
<b>237. Lớp: KT2421A1</b>								
1	B2401410	Nguyễn Thiên Hương	13	100	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2401427	Hoàng Kim Oanh	13	97	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2401440	Phạm Trần Minh Triết	13	100	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.536.000 đồng</b>								
<b>238. Lớp: KT2421A2</b>								
1	B2401495	Vũ Thị Thùy Trang	13	90	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2401496	Phan Đặng Thùy Trâm	13	97	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.256.000 đồng</b>								
<b>239. Lớp: KT2421F1</b>								
1	B2401510	Nguyễn Ngọc Lan Chi	13	100	3.58	Giỏi	11.220.000	
2	B2401511	Bông Hồng Chúc	13	85	3.77	Giỏi	11.220.000	
3	B2401543	Nguyễn Quế Trân	13	95	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>35.530.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng</b>								
<b>240. Lớp: KT2422A1</b>								
1	B2401552	Nguyễn Gia Bảo	14	94	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2401586	Trần Ngọc Nương	14	95	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2401598	Trần Thị Anh Thư	14	93	3.75	Xuất sắc	7.980.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.712.000 đồng</b>								
<b>241. Lớp: KT2422A2</b>								
1	B2401615	Nguyễn Trần Đức Duy	14	91	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2401617	Trần Tấn Đạt	14	96	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2401649	Trần Lê Phương Uyên	14	96	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.080.000 đồng</b>								
<b>242. Lớp: KT2422A3</b>								
1	B2401673	Đoàn Hồng Diệp	14	95	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2401684	Huỳnh Thị Nhật Huyền	14	96	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2401711	Nguyễn Thị Thanh Thảo	14	93	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.800.000 đồng</b>								
<b>243. Lớp: KT2422F1</b>								
1	B2401814	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	12	100	3.71	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2401821	Vũ Xuân Ngọc	12	100	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2402045	Đoàn Hoàng Phú	12	87	3.58	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>37.400.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.164.000 đồng</b>								
<b>244. Lớp: KT2422F2</b>								
1	B2401853	Mai Diễm Huỳnh	12	93	3.58	Giỏi	11.220.000	
2	B2401867	Trần Thị Diệu Nhi	12	84	3.58	Giỏi	11.220.000	
3	B2401875	Mạch Nhật Thịnh	12	89	3.5	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>33.660.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng</b>								
<b>245. Lớp: KT2423A1</b>								
1	B2401912	Trần Tuấn Huỳnh	14	100	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2401922	Trương Gia Mẫn	16	98	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2401944	Trần Đại Phú	14	98	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2401971	Trương Đình Trí	14	98	3.82	Xuất sắc	9.170.000	
5	B2401974	Trương Quang Tường	14	98	3.82	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>45.850.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 49.780.000 đồng</b>								
<b>246. Lớp: KT2423A2</b>								
1	B2401993	Võ Thị Vân Anh	14	92	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2402020	Đỗ Thị Vân Linh	14	89	3.64	Giỏi	7.860.000	
3	B2402038	Đào Thị Nguyệt	19	85	3.37	Giỏi	7.860.000	
4	B2402039	Huỳnh Yên Nhi	14	87	3.43	Giỏi	7.860.000	
5	B2402056	Nguyễn Hồ Quốc Thắng	14	85	3.46	Giỏi	7.860.000	
6	B2402082	Nguyễn Huỳnh Thảo Vy	19	88	3.42	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>48.470.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 45.064.000 đồng</b>								
<b>247. Lớp: KT2445A1</b>								
1	B2402766	Lê Huỳnh Như Anh	16	100	3.81	Xuất sắc	7.980.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2402779	Trần Thị Mỹ Hằng	16	99	3.81	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2402808	Vũ Thị Anh Thơ	16	98	3.81	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2402822	Huỳnh Diệp Văn	16	98	3.81	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.536.000 đồng</b>								
<b>248. Lớp: KT2445A2</b>								
1	B2402846	Trần Thị Ngọc Kim	16	100	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2402847	Lê Huỳnh Yên Linh	16	98	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2402861	Phạm Thế Quang	16	97	3.91	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.448.000 đồng</b>								
<b>249. Lớp: KT2490A1</b>								
1	B2404690	Nguyễn Kim Hoàng	13	95	3.42	Giỏi	6.840.000	
2	B2404699	Mã Chí Nguyên	13	100	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.820.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								
<b>250. Lớp: KT2490A2</b>								
1	B2404727	Nguyễn Ngọc Ánh	13	86	3.73	Giỏi	6.840.000	
2	B2404764	Lê Thị Huỳnh Trâm	13	91	3.62	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.820.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.784.000 đồng</b>								
<b>251. Lớp: KT24V5A1</b>								
1	B2408552	Lê Minh Quân	20	98	3.9	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2408561	Huỳnh Ngọc Hoài Trân	17	100	3.94	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.872.000 đồng</b>								
<b>252. Lớp: KT24V5A2</b>								
1	B2408567	Trần Văn Lâm Anh	17	90	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2408590	Trần Hồng Nhung	17	100	3.79	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2408604	Huỳnh Hoa Tường Vy	17	100	3.79	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								
<b>253. Lớp: KT24W1A1</b>								
1	B2409205	Phan Tấn Đạt	16	100	3.78	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2409235	Phan Phạm Quốc Thái	17	95	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2409243	Cao Quốc Trọng	14	100	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng</b>								
<b>254. Lớp: KT24W1A2</b>								
1	B2409272	Lư Thị Yên Nhi	17	91	3.82	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2409285	Võ Nhật Thịnh	14	98	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.152.000 đồng</b>								
<b>255. Lớp: KT24W2A1</b>								
1	B2409307	Nguyễn Thị Ngọc Hân	16	89	3.78	Giỏi	6.840.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2409312	Trần Minh Khôi	16	89	3.69	Giỏi	6.840.000	
3	B2409331	Nguyễn Thanh Thảo	16	90	3.69	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>21.660.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.256.000 đồng</b>								
<b>256. Lớp: KT24W2A2</b>								
1	B2409363	Huỳnh Giao	16	100	3.81	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2409378	Nguyễn Thị Ngoãn	16	98	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2409404	Lê Bùi Cẩm Vân	16	90	3.81	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.800.000 đồng</b>								
<b>257. Lớp: KT24W2F1</b>								
1	B2409419	Nguyễn Hữu Duy	14	87	3.43	Giỏi	11.220.000	
2	B2409432	Lê Huỳnh Phúc Ngân	14	87	3.21	Giỏi	11.220.000	
3	B2409457	Trần Thanh Trúc	12	95	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>35.530.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng</b>								
<b>258. Lớp: KT24W3A1</b>								
1	B2409463	Nguyễn Thị Lan Anh	14	98	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2409479	Trần Thị Thảo Mi	14	100	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2409512	Phạm Tô Ngọc Thảo Vy	14	97	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.168.000 đồng</b>								
<b>259. Lớp: KT24W3A2</b>								
1	B2409531	Dương Thị Cẩm Hường	14	95	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2409533	Nguyễn Thị Minh Mẫn	14	96	3.79	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2409561	Lê Thị Thanh Trúc	14	100	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.624.000 đồng</b>								
<b>260. Lớp: KT24W4A1</b>								
1	B2409593	Son Lê Như Huyền	17	96	3.76	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2409597	Trần Đăng Khoa	17	100	3.88	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2409632	Nguyễn Thị Hồng Tươi	17	98	3.74	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.520.000 đồng</b>								
<b>261. Lớp: KT24W4A2</b>								
1	B2409662	Quách Hưng Huy	17	92	3.94	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2409664	Trương Thiên Hương	17	93	3.71	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2409679	Lê Yên Ngọc	17	95	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.976.000 đồng</b>								
<b>262. Lớp: KT24W4A3</b>								
1	B2409619	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	17	92	3.79	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2409671	Lê Vũ Luân	17	98	3.76	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2409702	Trần Thanh Tùng	17	85	3.68	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.800.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.976.000 đồng</b>								
<b>263. Lớp: KT24W4F1</b>								
1	B2409739	Lê Đoàn Yên Nhi	14	98	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409745	Đặng Lê Xuân Quỳnh	14	98	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng</b>								
<b>264. Lớp: KT24W4F2</b>								
1	B2409772	Lê Trần Nguyên Khôi	13	100	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409779	Văng Thanh Bảo Ngân	12	92	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng</b>								
<b>265. Lớp: KT24W4F3</b>								
1	B2409783	Nguyễn Phan Bảo Nhi	13	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409788	Nguyễn Thị Ngọc Quý	12	92	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b>								
<b>266. Lớp: LK2263A1</b>								
1	B2201649	Trần Huỳnh Phúc Khang	17	95	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2201655	Nguyễn Phi Long	17	87	3.82	Giỏi	6.840.000	
3	B2201688	Lê Thị Huyền Trân	17	87	3.71	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>21.660.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.624.000 đồng</b>								
<b>267. Lớp: LK2264A1</b>								
1	B2201565	Tạ Nhật Duy	12	92	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2201594	Bùi Thành Nhân	15	93	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2201686	Trần Gia Nhật Tiền	15	92	4	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2201689	Huỳnh Diễm Trinh	14	90	3.79	Xuất sắc	7.980.000	
5	B2201721	Nguyễn Văn Minh Khoa	14	95	3.86	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.900.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.216.000 đồng</b>								
<b>268. Lớp: LK2265A1</b>								
1	B2201561	Huỳnh Ngọc Thái Bình	15	100	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2201578	Nguyễn Trần Trí Khen	16	94	3.8	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2201676	Đình Hoàng Sơn	12	100	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2201704	Ông Bảo Ngọc Trân Châu	17	100	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.272.000 đồng</b>								
<b>269. Lớp: LK2363A1</b>								
1	B2301783	Trương Thị Hồng Đoan	13	100	3.65	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2301799	Mai Thị Kim Ngân	15	94	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2301910	Lê Bảo Ly	13	99	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.976.000 đồng</b>								
<b>270. Lớp: LK2363A2</b>								
1	B2301836	Nguyễn Thành Chí	15	87	3.63	Giỏi	6.840.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2301850	Huỳnh Vũ Lâm	13	81	3.67	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.136.000 đồng</b>								
<b>271. Lớp: LK2365A1</b>								
1	B2301785	Dương Gia Hân	18	94	3.67	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2301797	Lê Ngọc Kiều My	15	91	3.67	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2301821	Trần Nhã Trân	16	95	3.63	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.888.000 đồng</b>								
<b>272. Lớp: LK2365A2</b>								
1	B2301890	Nguyễn Kiều Ngọc Ái	14	96	3.64	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2301916	Lê Khánh Ngọc	15	94	3.61	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2301935	Thiều Thái Trân	15	93	3.57	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.432.000 đồng</b>								
<b>273. Lớp: LK23S9A1</b>								
1	B2304815	Võ Minh Hiền	14	98	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2304866	Dương Minh Tú	13	97	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.152.000 đồng</b>								
<b>274. Lớp: LK23S9A2</b>								
1	B2304792	Bùi Nhật Anh	17	93	3.81	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2304801	Trần Mỹ Dung	12	99	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.152.000 đồng</b>								
<b>275. Lớp: LK2463A1</b>								
1	B2402533	Huỳnh Nguyễn Minh Anh	15	96	3.7	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2402539	Lữ Thị Kim Chi	13	97	3.46	Giỏi	6.840.000	
3	B2402592	Lê Thị Huyền Trân	15	100	3.63	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.992.000 đồng</b>								
<b>276. Lớp: LK2463A2</b>								
1	B2402487	Đoàn Khả My	16	96	3.63	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2402662	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15	95	3.4	Giỏi	6.840.000	
3	B2402672	Phan Nhã Trâm	16	95	3.67	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.080.000 đồng</b>								
<b>277. Lớp: LK2465A1</b>								
1	B2402383	Trương Như Minh Châu	13	85	3.62	Giỏi	6.840.000	
2	B2402393	Đoàn Ngọc Hân	14	95	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2402571	Nguyễn Thanh Nhân	13	94	3.62	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2402577	Cao Văn Tấn Phát	15	95	3.6	Xuất sắc	7.980.000	
5	B2402601	Cao Hoàng Văn	13	95	3.65	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>38.760.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.936.000 đồng</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>278. Lớp: LK2465A2</b>								
1	B2402508	Cao Nguyễn Minh Thuận	13	91	3.35	Giỏi	6.840.000	
2	B2402610	Vũ Nguyễn Xuân An	13	82	3.35	Giỏi	6.840.000	
3	B2402633	Dương Tuấn Khang	15	94	3.6	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2402647	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	16	98	3.47	Giỏi	6.840.000	
5	B2402652	Huỳnh Như	13	82	3.35	Giỏi	6.840.000	
6	B2402668	Nguyễn Xuân Tinh	19	81	3.42	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>42.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 37.392.000 đồng</b>								
<b>279. Lớp: LK24S9A1</b>								
1	B2406538	Nguyễn Văn Linh	16	100	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2406555	Vương Hoàng Bích Phượng	15	98	3.8	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2406559	Đào Thị Minh Tâm	15	98	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2406565	Trần Thị Minh Thư	15	98	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.640.000 đồng</b>								
<b>280. Lớp: LK24S9A2</b>								
1	B2406620	Huỳnh Thị Tuyết Như	12	97	3.67	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2406626	Thái Minh Siêu	15	95	3.67	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2406632	Nguyễn Thị Kim Thoa	13	92	3.65	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2406648	Trần Nguyễn Khánh Vy	15	97	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.728.000 đồng</b>								
<b>281. Lớp: ML22U3A1</b>								
1	B2205046	Nguyễn Gia Huy	13	98	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2205071	Nguyễn Lâm Anh Thư	19	96	3.84	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.592.000 đồng</b>								
<b>282. Lớp: ML22V9A1</b>								
1	B2206091	Lê Anh Duy	12	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206110	Lê Uyển Nhi	12	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.960.000 đồng</b>								
<b>283. Lớp: ML22X4A1</b>								
1	B2207022	Nguyễn Huỳnh Khả Hân	19	94	3.84	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2207065	Hữu Thanh Tý	19	99	3.89	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2207066	Huỳnh Thảo Vy	20	97	3.89	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.040.000 đồng</b>								
<b>284. Lớp: ML23U3A1</b>								
1	B2305680	Lê Phú Cường	16	97	3.5	Giỏi	6.840.000	
2	B2305683	Nguyễn Thị Tường Duy	13	88	3.54	Giỏi	6.840.000	
3	B2305717	Huỳnh Lý Thảo Trinh	13	89	3.46	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>285. Lớp: ML23V9A1</b>								
1	B2306799	Nguyễn Hoàng Nhật Vy	15	100	3.87	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2306800	Nguyễn Ngọc Phương Vy	15	100	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.240.000 đồng</b>								
<b>286. Lớp: ML23X4A1</b>								
1	B2307730	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	17	100	3.88	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 8.000.000 đồng</b>								
<b>287. Lớp: ML24U3A1</b>								
1	B2407734	Trần Hà My	12	100	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2407743	Trần Thị Tú Như	15	98	3.68	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.872.000 đồng</b>								
<b>288. Lớp: ML24U3A2</b>								
1	B2407785	Huỳnh Kỳ Nguyên	12	100	3.67	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2407809	Phạm Ngọc Thảo Xuân	12	100	3.79	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.696.000 đồng</b>								
<b>289. Lớp: ML24V9A1</b>								
1	B2409096	Lê Xuân Bách	12	91	3.33	Giỏi	6.840.000	
2	B2409115	Huỳnh Thị Thúy Ngân	13	99	3.21	Giỏi	6.840.000	
3	B2409125	Dương Nhật Quang	12	99	3.36	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.520.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.608.000 đồng</b>								
<b>290. Lớp: ML24V9A2</b>								
1	B2409186	Nguyễn Đoàn Yến Trang	12	100	3.67	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2409198	Trần Nguyễn Ngọc Như Ý	14	100	3.68	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.504.000 đồng</b>								
<b>291. Lớp: ML24X4A1</b>								
1	B2410094	Nguyễn Thế Anh	13	93	3.83	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2410111	Trần Gia Khiêm	12	91	3.68	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2410137	Hồ Minh Tiến	12	99	3.82	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.720.000 đồng</b>								
<b>292. Lớp: MT2225A1</b>								
1	B2201423	Nguyễn Thị Như Huỳnh	13	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2201437	Trang Diễm My	15	93	3.8	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2201462	Đặng Phước Thảo	14	91	4	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2201470	Lý Thị Hồng Trâm	12	91	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.920.000 đồng</b>								
<b>293. Lớp: MT2225A2</b>								
1	B2201513	Trần Thị Kim Ly	15	100	3.83	Xuất sắc	7.980.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2201522	Bào Yến Nhi	13	100	3.85	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2201535	Đoàn Văn Sê Ra	16	91	3.94	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2201543	Nguyễn Cẩm Tiên	15	91	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.008.000 đồng</b>								
<b>294. Lớp: MT2238A1</b>								
1	B2201823	Dư Ngọc Thúy An	20	81	3.5	Giỏi	7.080.000	
2	B2201859	Nguyễn Minh Thức	20	91	3.5	Giỏi	7.080.000	
3	B2201862	Trần Thị Mỹ Trân	20	91	3.55	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>21.240.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.880.000 đồng</b>								
<b>295. Lớp: MT2238A2</b>								
1	B2201899	Nguyễn Minh Thành	12	100	3.58	Giỏi	7.080.000	
2	B2201905	Trần Lê Bảo Tín	20	91	3.55	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.160.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.520.000 đồng</b>								
<b>296. Lớp: MT2257A1</b>								
1	B2202188	Huỳnh Nguyễn Hữu Phúc	17	94	3.56	Giỏi	7.860.000	
2	B2202198	Nguyễn Việt Thắng	17	88	3.59	Giỏi	7.860.000	
3	B2202202	Trần Nguyễn Phương Thuỳ	19	95	3.82	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2202203	Nguyễn Thị Thanh Thúy	16	94	3.47	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.868.000 đồng</b>								
<b>297. Lớp: MT22D4A1</b>								
1	B2203852	Châu Hà Anh	14	94	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203871	Lê Thị Kim Mai	14	96	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.672.000 đồng</b>								
<b>298. Lớp: MT22X7A1</b>								
1	B2207113	Nguyễn Minh Hiếu	12	91	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2207115	Diệp Hiếu Huy	12	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.240.000 đồng</b>								
<b>299. Lớp: MT22X7A2</b>								
1	B2207155	Bùi Thị Bảo Anh	12	95	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2207173	Phan Văn Lượng	12	100	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.240.000 đồng</b>								
<b>300. Lớp: MT2325A1</b>								
1	B2301629	Hồ Duy Động	13	91	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2301631	Lê Trọng Hiếu	17	91	3.82	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2301680	Huỳnh Thị Cẩm Thy	16	93	3.78	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2301685	Nguyễn Thị Hồng Trúc	16	91	3.91	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.640.000 đồng</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>301. Lớp: MT2325A2</b>								
1	B2301704	Đặng Thị Đào	13	93	3.58	Giỏi	6.840.000	
2	B2301714	Phạm Thúy Huyền	17	98	3.82	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2301728	Trần Thị Thảo Ly	15	84	3.7	Giỏi	6.840.000	
4	B2301748	Lê Thị Kiều Quanh	15	90	3.6	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>29.640.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.184.000 đồng</b>								
<b>302. Lớp: MT2338A1</b>								
1	B2302075	Bùi Kim Thành	17	89	3.47	Giỏi	7.080.000	
2	B2302082	Lê Quang Tiến	18	86	3.41	Giỏi	7.080.000	
3	B2302088	Nguyễn Ngọc Tuấn	16	100	3.34	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>21.240.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.296.000 đồng</b>								
<b>303. Lớp: MT2338A2</b>								
1	B2302097	Trần Nguyễn Thanh Duy	20	86	3.23	Giỏi	7.080.000	
2	B2302142	Nguyễn Thụy Như Ý	19	93	3.39	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.160.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.048.000 đồng</b>								
<b>304. Lớp: MT2357A1</b>								
1	B2302377	Nguyễn Huỳnh Đức	14	95	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2302427	Nguyễn Ngọc Đoan Trinh	16	96	3.8	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2302436	Lê Huỳnh Thúy Vy	14	96	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.392.000 đồng</b>								
<b>305. Lớp: MT23D4A1</b>								
1	B2304221	Lê Huỳnh Quốc Hưng	15	90	3.29	Giỏi	7.860.000	
2	B2304238	Hồ Minh Quyền	15	85	3.07	Khá	6.550.000	
3	B2304249	Lâm Trọng Tiến	15	87	3.21	Giỏi	7.860.000	
4	B2304259	Trần Thị Ngọc Ý	17	84	3.09	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>28.820.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.772.000 đồng</b>								
<b>306. Lớp: MT23S8A1</b>								
1	B2304731	Châu Thị Tú Anh	13	89	3.69	Giỏi	7.860.000	
2	B2304754	Nguyễn Văn Mãi	14	89	3.62	Giỏi	7.860.000	
3	B2304767	Đặng Thị Huỳnh Như	13	83	3.62	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.248.000 đồng</b>								
<b>307. Lớp: MT23X7A1</b>								
1	B2307818	Lê Dương Thúy Hân	17	95	3.94	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2307825	Phạm Đình Khải	12	93	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2307850	Hà Gia Phú	13	100	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.256.000 đồng</b>								
<b>308. Lớp: MT23X7A2</b>								
1	B2307875	Nguyễn Mai Anh	16	92	3.69	Xuất sắc	7.980.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2307923	Lê Thị Thu Thảo	17	94	3.68	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2307932	Nguyễn Huỳnh Trân	16	96	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.536.000 đồng</b>								
<b>309. Lớp: MT2425A1</b>								
1	B2402257	Huỳnh Nhựt Hào	15	95	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2402277	Ngô Thanh Ngân	15	91	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2402303	Dương Ngọc Thảo Uyên	15	93	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.816.000 đồng</b>								
<b>310. Lớp: MT2425A2</b>								
1	B2402311	Võ Đức Anh	17	95	3.62	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2402314	Lê Hữu Bằng	17	97	3.65	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2402335	Trần Hoàng Lâm	15	95	3.6	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.992.000 đồng</b>								
<b>311. Lớp: MT2438A1</b>								
1	B2402693	Nguyễn Ngọc Minh Châu	17	95	3.63	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2402722	Cao Phạm Thanh Trúc	17	88	3.63	Giỏi	7.080.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.160.000 đồng</b>								
<b>312. Lớp: MT2438A2</b>								
1	B2402743	Lâm Khương Trúc Linh	16	93	3.2	Giỏi	7.080.000	
2	B2402747	Nguyễn Tuyết Ngân	15	91	3.6	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 13.688.000 đồng</b>								
<b>313. Lớp: MT2457A1</b>								
1	B2403010	Bùi Thị Ngọc Huyền	12	91	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2403022	Trần Hoàng Nam	14	81	3.79	Giỏi	7.860.000	
3	B2403024	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	12	88	3.67	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.200.000 đồng</b>								
<b>314. Lớp: MT24D4A1</b>								
1	B2405653	Nguyễn Kim Hoàng Anh	16	85	3.63	Giỏi	7.860.000	
2	B2405672	Nguyễn Vũ Khoa	12	93	3	Khá	6.550.000	
3	B2405681	Phan Lưu Tuyết Nhi	13	89	3.08	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>315. Lớp: MT24S8A1</b>								
1	B2406428	Thái Nhật Anh	13	81	3.31	Giỏi	7.860.000	
2	B2406430	Lương Ngọc Ánh	13	82	3.46	Giỏi	7.860.000	
3	B2406431	Lương Nhật Ánh	13	82	3.62	Giỏi	7.860.000	
4	B2406434	Hà Lê Thu Diễm	13	93	3.62	Xuất sắc	9.170.000	
5	B2406479	Trần Thiên Phú	13	85	3.62	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>40.610.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 41.396.000 đồng</b>								
<b>316. Lớp: MT24X7A1</b>								
1	B2410184	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	16	90	3.25	Giỏi	6.840.000	
2	B2410202	Châu Đình Khang	12	92	3.33	Giỏi	6.840.000	
3	B2410223	Trương Nhứt Phi	12	81	3.5	Giỏi	6.840.000	
4	B2410230	Trần Thị Thanh Thảo	12	90	3.42	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.360.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.816.000 đồng</b>								
<b>317. Lớp: MT24X7A2</b>								
1	B2410270	Phan Thị Mỹ Huyền	13	92	3.38	Giỏi	6.840.000	
2	B2410278	Lý Ngọc Lam	13	87	3.42	Giỏi	6.840.000	
3	B2410292	Nguyễn Trúc Như	12	87	3.5	Giỏi	6.840.000	
4	B2410317	Nguyễn Thị Bích Tuyền	14	90	3.29	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.360.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.624.000 đồng</b>								
<b>318. Lớp: NN2219A1</b>								
1	B2200703	Cao Đình Luật	18	90	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2200712	Trần Ngọc Yến Phương	14	97	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.148.000 đồng</b>								
<b>319. Lớp: NN2219A2</b>								
1	B2200729	Phạm Trần Ngọc Giàu	14	100	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2200734	Dương Hoàng Khương	20	92	3.85	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.672.000 đồng</b>								
<b>320. Lớp: NN2267A1</b>								
1	B2202382	Nguyễn Bảo Chăm	14	92	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2202426	Nguyễn Chí Tài	12	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2202436	Nguyễn Huỳnh Thủy Tiên	14	96	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2202450	Dương Đại Vĩ	14	96	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 37.204.000 đồng</b>								
<b>321. Lớp: NN2267A2</b>								
1	B2202455	Đặng Duy Bảo	16	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2202472	Lương Mỹ Hoa	16	91	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2202484	Bùi Trần Ngọc Mỹ	16	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2202492	Trương Thị Cẩm Nhung	14	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.156.000 đồng</b>								
<b>322. Lớp: NN2273A1</b>								
1	B2202727	Phạm Thị Diễm Kiều	18	96	3.61	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2202757	Kha Thị Tường Vy	19	94	3.61	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2202758	Phạm Thị Bảo Xuyên	18	94	3.72	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.104.000 đồng</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>323. Lớp: NN2273A2</b>								
1	B2202761	Lê Thị Huyền Chân	16	93	3.5	Giỏi	7.860.000	
2	B2202784	Nguyễn Ngọc Nhi	16	95	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2202809	Trần Lê Xuyên	16	86	3.69	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>324. Lớp: NN22S1A1</b>								
1	B2203976	Cao Thanh Danh	15	96	3.8	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203982	Dương Ngọc Hân	16	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.388.000 đồng</b>								
<b>325. Lớp: NN22S1A2</b>								
1	B2204026	Huỳnh Thị Tú Huyền	14	95	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2204049	Ngô Anh Thư	13	96	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.388.000 đồng</b>								
<b>326. Lớp: NN22S4A1</b>								
1	B2202636	Huỳnh Xuân Mai	16	87	3.94	Giỏi	7.860.000	
2	B2202647	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	16	93	3.72	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>17.030.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.864.000 đồng</b>								
<b>327. Lớp: NN22S4A2</b>								
1	B2202686	Dương Huỳnh Mẫn Nghi	16	87	3.63	Giỏi	7.860.000	
2	B2202688	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	16	87	3.59	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.720.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.244.000 đồng</b>								
<b>328. Lớp: NN22S6A1</b>								
1	B2207207	Dương Diệu Ái	15	100	3.8	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2207280	Nguyễn Thị Quỳnh Như	17	97	3.82	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.720.000 đồng</b>								
<b>329. Lớp: NN22V8A1</b>								
1	B2206038	Lê Nguyễn Kim Hân	14	89	3.61	Giỏi	7.080.000	
2	B2206044	Nguyễn Trương Anh Kỳ	15	92	3.64	Xuất sắc	8.260.000	
3	B2206076	Ngô Trọng Tín	16	90	3.8	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.184.000 đồng</b>								
<b>330. Lớp: NN22X8A1</b>								
1	B2207214	Biện Thị Huỳnh Giao	15	90	3.87	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2207263	Nguyễn Thị Kim Hằng	13	91	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.008.000 đồng</b>								
<b>331. Lớp: NN22X9A1</b>								
1	B2207319	Nguyễn Thanh Nhân	18	90	3.64	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2207321	Lâm Thị Hồng Phần	17	95	3.63	Xuất sắc	9.170.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.196.000 đồng</b>								
<b>332. Lớp: NN22X9A2</b>								
1	B2207359	Nguyễn Hoàng Phúc	15	100	3.5	Giỏi	7.860.000	
2	B2207366	Trần Phương Thùy	15	94	3.53	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.720.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.720.000 đồng</b>								
<b>333. Lớp: NN2319A1</b>								
1	B2300806	Nguyễn Phước Điền	15	88	3.5	Giỏi	7.860.000	
2	B2300815	Nguyễn Hữu Khang	14	100	3.38	Giỏi	7.860.000	
3	B2300835	Nguyễn Tấn Tài	14	90	3.42	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.104.000 đồng</b>								
<b>334. Lớp: NN2319A2</b>								
1	B2300878	Nguyễn Thị Cẩm Loan	17	93	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2300880	Bùi Phan Thị Ngân	15	91	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>335. Lớp: NN2367A1</b>								
1	B2302642	Trương Thị Ngọc Đình	13	100	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2302687	Đỗ Mạnh Tú	14	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2302693	Xa Ngọc Như Ý	15	93	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.392.000 đồng</b>								
<b>336. Lớp: NN2367A2</b>								
1	B2302698	Võ Hoàng Bảo	15	100	3.87	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2302704	Nguyễn Trí Đạt	15	100	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2302716	Trần Thắng Lợi	13	95	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.296.000 đồng</b>								
<b>337. Lớp: NN2373A1</b>								
1	B2302930	Trần Thành Lý	14	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2302936	Trần Thanh Nhã	18	90	3.76	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2302956	Lê Phúc Thịnh	18	90	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2302967	Lê Bảo Phương Uyên	17	93	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.488.000 đồng</b>								
<b>338. Lớp: NN2373A2</b>								
1	B2302998	Phạm Minh Mẫn	16	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2303011	Nguyễn Trọng Phúc	17	93	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2303013	Trần Bùi Thành Phước	14	95	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.440.000 đồng</b>								
<b>339. Lớp: NN2373A3</b>								
1	B2303050	Lê Văn Hào	14	92	3.85	Xuất sắc	9.170.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2303095	Nguyễn Trung Tính	13	91	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2303103	Trịnh Trương Vỹ	15	94	3.89	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.344.000 đồng</b>								
<b>340. Lớp: NN23S1A1</b>								
1	B2304365	Huỳnh Ngọc Diệu	15	97	3.39	Giỏi	7.860.000	
2	B2304398	Trần Mỹ Ngọc	13	90	3.58	Giỏi	7.860.000	
3	B2304426	Nguyễn Công Trứ	19	81	3.78	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.676.000 đồng</b>								
<b>341. Lớp: NN23S1A2</b>								
1	B2304434	Ngô Tùng Diệp	15	100	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2304447	Mai Công Hậu	17	84	3.63	Giỏi	7.860.000	
3	B2304490	Nguyễn Thị Minh Thư	15	83	3.71	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.296.000 đồng</b>								
<b>342. Lớp: NN23S4A1</b>								
1	B2302852	Lê Anh Khoa	16	94	3.4	Giỏi	7.860.000	
2	B2302861	Võ Bình Nam	14	90	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2302895	Nguyễn Nhật Trường	14	94	3.58	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.580.000 đồng</b>								
<b>343. Lớp: NN23S6A1</b>								
1	B2307966	Lê Đức Hưng	13	100	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2308072	Phạm Trường Thịnh	12	93	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.816.000 đồng</b>								
<b>344. Lớp: NN23V8A1</b>								
1	B2306721	Lê Thị My	16	100	3.93	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2306732	Trịnh Ngân Tâm	14	100	3.75	Xuất sắc	8.260.000	
3	B2306743	Huỳnh Bảo Trang	13	98	3.73	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.780.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.768.000 đồng</b>								
<b>345. Lớp: NN23X8A1</b>								
1	B2307997	Trần Thị Ngọc Thiện	14	97	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2308013	Trần Nguyễn Hạ Vy	14	92	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2308015	Lê Thị Kim Yến	14	97	3.77	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2308017	Chung Ngọc Anh	13	91	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.824.000 đồng</b>								
<b>346. Lớp: NN23X9A1</b>								
1	B2308113	Nguyễn Phạm Mỹ Quyên	16	90	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>9.170.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 12.052.000 đồng</b>								
<b>347. Lớp: NN23X9A2</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2308145	Hồ Thị Kim Quyên	16	90	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>9.170.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 11.004.000 đồng</b>								
<b>348. Lớp: NN2419A1</b>								
1	B2401085	Bùi Công Hậu	13	95	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2401103	Hồ Quốc Luận	13	93	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2401123	Nguyễn Hữu Thịnh	13	82	3.85	Giỏi	7.860.000	
4	B2401131	Trần Yên Trang	13	91	3.62	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>35.370.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.964.000 đồng</b>								
<b>349. Lớp: NN2419A2</b>								
1	B2401176	Nguyễn Thị Xuân Lan	13	83	3.77	Giỏi	7.860.000	
2	B2401183	Bùi Vũ Tiểu My	13	88	3.77	Giỏi	7.860.000	
3	B2401190	Trần Trường Phi	13	90	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2401197	Trần Khắc Thành	13	90	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>34.060.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.536.000 đồng</b>								
<b>350. Lớp: NN2467A1</b>								
1	B2403532	Trương Thanh Nguyễn Khôi	12	78	3.17	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>6.550.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.060.000 đồng</b>								
<b>351. Lớp: NN2473A1</b>								
1	B2403905	Bùi Thị Ngọc Diệu	12	99	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2403910	Nguyễn Thành Đạt	12	93	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2403937	Đông Văn Mẫn	12	98	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2403941	Nguyễn Mai Kim Ngân	12	91	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
5	B2403956	Đỗ Thị Quyên	12	92	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>45.850.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 41.396.000 đồng</b>								
<b>352. Lớp: NN2473A2</b>								
1	B2404001	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	12	98	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2404003	Hà Gia Đại	12	93	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2404011	Tạ Anh Hậu	12	98	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2404027	Lê Thị Cẩm Loan	12	93	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
5	B2404080	Nguyễn Thảo Vy	12	94	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>45.850.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.252.000 đồng</b>								
<b>353. Lớp: NN2473A3</b>								
1	B2404130	Mai Hoàng Nhã	12	97	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2404139	Trần Văn Phi	12	95	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2404161	Lê Thùy Trâm	12	98	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2404172	Chau Va Vuông	12	93	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 40.872.000 đồng</b>								
<b>354. Lớp: NN24S1A1</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 / 2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2406026	Nguyễn Phước Huy	12	97	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2406060	Lê Minh Thoại	12	80	3.58	Giỏi	7.860.000	
3	B2406061	Lâm Thị Phương Thùy	12	97	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2406063	Mai Nhật Tiến	12	88	3.58	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>34.060.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.916.000 đồng</b>								
<b>355. Lớp: NN24S1A2</b>								
1	B2406093	Lê Đức Huy	12	100	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2406122	Nguyễn Như Quỳnh	12	91	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2406127	Mã Gia Thịnh	12	98	3.58	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.296.000 đồng</b>								
<b>356. Lớp: NN24S4A1</b>								
1	B2403865	Châu Quang Đạo	16	71	3.06	Khá	6.550.000	
2	B2403866	Nguyễn Trọng Đạo	16	78	3.44	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.100.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 13.624.000 đồng</b>								
<b>357. Lớp: NN24S6A1</b>								
1	B2410324	Huỳnh Quốc An	12	97	3.58	Giỏi	7.860.000	
2	B2410359	Chung Phát Lợi	12	97	3.58	Giỏi	7.860.000	
3	B2410421	Nguyễn Hồng Hải	12	86	3.58	Giỏi	7.860.000	
4	B2410462	Đỗ Nguyễn Quế Tâm	12	97	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.060.000 đồng</b>								
<b>358. Lớp: NN24V8A1</b>								
1	B2409062	Phạm Yên Nhi	14	98	3.5	Giỏi	7.080.000	
2	B2409080	Trần Ngọc Minh Thư	14	97	3.5	Giỏi	7.080.000	
3	B2409082	Tăng Bảo Trân	14	97	3.5	Giỏi	7.080.000	
4	B2409094	Nguyễn Thị Như Ý	14	100	3.86	Xuất sắc	8.260.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>29.500.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.960.000 đồng</b>								
<b>359. Lớp: NN24X8A1</b>								
1	B2410348	Bùi Gia Huy	12	96	3.58	Giỏi	7.860.000	
2	B2410400	Nguyễn Thị Cẩm Vân	12	97	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>17.030.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.864.000 đồng</b>								
<b>360. Lớp: NN24X8A2</b>								
1	B2410420	Trần Triệu Giao	12	98	3.5	Giỏi	7.860.000	
2	B2410461	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	12	96	3.5	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.720.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.864.000 đồng</b>								
<b>361. Lớp: NN24X9A1</b>								
1	B2410508	Nguyễn Phan Quỳnh Như	13	82	3.31	Giỏi	7.860.000	
2	B2410518	Lê Trương Thiên Trang	18	94	3.25	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.720.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.768.000 đồng</b>								
<b>362. Lớp: SP2201A1</b>								
1	B2200022	Trần Hiếu Nhân	20	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2200027	Trần Bình Thuận	12	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.600.000 đồng</b>								
<b>363. Lớp: SP2202A1</b>								
1	B2200037	Lê Hồ Nhật Huy	15	100	3.93	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 4.800.000 đồng</b>								
<b>364. Lớp: SP2209A1</b>								
1	B2200296	Ngô Hồ Tuấn Thành	15	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 5.120.000 đồng</b>								
<b>365. Lớp: SP2210A1</b>								
1	B2200312	Trương Thị Thúy Quyên	13	100	3.85	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 3.840.000 đồng</b>								
<b>366. Lớp: SP2216A1</b>								
1	B2200603	Nguyễn Thành Sơn	15	90	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 4.480.000 đồng</b>								
<b>367. Lớp: SP2217A1</b>								
1	B2200608	Nguyễn Đình Tuyết Anh	15	97	3.8	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2200620	Trần Tuyết Lan	13	95	3.85	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.920.000 đồng</b>								
<b>368. Lớp: SP2217A2</b>								
1	B2200643	Lê Xuân Diệu	13	90	3.85	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2200651	Phan Thị Ngọc Lan	13	100	3.85	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 8.960.000 đồng</b>								
<b>369. Lớp: SP2218A1</b>								
1	B2200675	Phạm Nhật Hào	12	100	3.83	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 5.760.000 đồng</b>								
<b>370. Lớp: SP22U8A1</b>								
1	B2205342	Huỳnh Nguyễn Ngọc Hân	13	92	3.77	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2205352	Phùng Minh Khánh	16	95	3.72	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2205385	Huỳnh Hoàng Tuấn	20	98	3.88	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.280.000 đồng</b>								
<b>371. Lớp: SP22X3A1</b>								
1	B2206933	Nguyễn Thảo Duyên	14	100	3.89	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2206936	Nguyễn Tuyết Hoa	16	100	3.88	Xuất sắc	5.600.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 12.160.000 đồng</b>								
<b>372. Lớp: SP22X3A2</b>								
1	B2206971	Ngô Như Bình	17	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2206982	Lữ Thị Mỹ Liên	16	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 11.840.000 đồng</b>								
<b>373. Lớp: SP2301A1</b>								
1	B2300004	Thái Đức Hưng	19	98	4	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2300021	Ngô Trần Duy Thịnh	13	90	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.920.000 đồng</b>								
<b>374. Lớp: SP2302A1</b>								
1	B2300033	Võ Thành Công	14	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 5.440.000 đồng</b>								
<b>375. Lớp: SP2309A1</b>								
1	B2300306	Hồ Trần Phương Phi	13	97	3.83	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 5.120.000 đồng</b>								
<b>376. Lớp: SP2310A1</b>								
1	B2300310	Đoàn Nguyễn Gia An	16	100	3.83	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 4.800.000 đồng</b>								
<b>377. Lớp: SP2316A1</b>								
1	B2300737	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	13	97	3.81	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 5.440.000 đồng</b>								
<b>378. Lớp: SP2317A1</b>								
1	B2300739	Nguyễn Kỳ Anh	14	100	3.86	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2300754	Hồ Huỳnh Bạch Ngân	15	100	3.86	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 13.440.000 đồng</b>								
<b>379. Lớp: SP2318A1</b>								
1	B2300793	Trần Ngọc Phương Linh	15	97	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 5.440.000 đồng</b>								
<b>380. Lớp: SP23U8A1</b>								
1	B2305989	Lê Xuân Anh	14	95	3.82	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2305997	Lê Nguyễn Trọng Đức	17	93	3.94	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2306017	Phan Tú My	15	91	3.9	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.240.000 đồng</b>								
<b>381. Lớp: SP23X3A1</b>								
1	B2307630	Phạm Thành Đạt	14	100	3.89	Xuất sắc	5.600.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2307639	Lê Thị Thu Kiều	14	91	4	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 13.440.000 đồng</b>								
<b>382. Lớp: SP23X3A2</b>								
1	B2307680	Lưu Huỳnh Hoa	16	100	3.91	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2307699	Mã Thúy Quyên	16	100	3.91	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2307700	Nguyễn Thị Như Quỳnh	13	100	3.92	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 11.520.000 đồng</b>								
<b>383. Lớp: SP2401A1</b>								
1	B2400004	Cao Xuân Bách	13	96	3.92	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2400007	Phùng Đại Danh	16	96	3.93	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.600.000 đồng</b>								
<b>384. Lớp: SP2402A1</b>								
1	B2400033	Huỳnh Ngọc Hiền	12	100	3.82	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 6.080.000 đồng</b>								
<b>385. Lớp: SP2409A1</b>								
1	B2400556	Nguyễn Nhật Anh	14	95	3.88	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 6.400.000 đồng</b>								
<b>386. Lớp: SP2410A1</b>								
1	B2400586	Nguyễn Gia Quyên	12	100	3.95	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 6.080.000 đồng</b>								
<b>387. Lớp: SP2416A1</b>								
1	B2400959	Chiêm Hoàng Ngân Giang	13	100	3.83	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 5.440.000 đồng</b>								
<b>388. Lớp: SP2417A1</b>								
1	B2400998	Trương Quốc Khánh	12	98	3.86	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2401004	Hồng Tiểu My	13	98	3.92	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2401026	Trần Ngọc Thuần	13	100	4	Xuất sắc	5.600.000	
4	B2401034	Võ Anh Thy	13	100	3.92	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.400.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.720.000 đồng</b>								
<b>389. Lớp: SP2418A1</b>								
1	B2401058	Trương Thị Nhi	12	98	3.59	Giỏi	4.800.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>4.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 6.400.000 đồng</b>								
<b>390. Lớp: SP24E1A1</b>								
1	B2405808	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	12	98	3.73	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 5.760.000 đồng</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>391. Lớp: SP24E2A1</b>								
1	B2405845	Nguyễn Trường Vĩ	13	98	3.75	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>5.600.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 6.080.000 đồng</b>								
<b>392. Lớp: SP24U8A1</b>								
1	B2408068	Nguyễn Hoàng Đạt	15	98	3.71	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2408089	Lê Hoàng Kiệt	15	100	3.8	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2408118	Nguyễn Ái Trân	14	100	3.73	Xuất sắc	5.600.000	
4	B2408119	Hồ Minh Trí	13	98	3.81	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.400.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.800.000 đồng</b>								
<b>393. Lớp: SP24X3A1</b>								
1	B2410001	Trần Khánh Duy	13	100	3.79	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2410015	Mã Gia Nghi	13	98	3.92	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2410031	Nguyễn Anh Thư	12	90	3.86	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.080.000 đồng</b>								
<b>394. Lớp: SP24X3A2</b>								
1	B2410081	Phan Anh Thư	13	97	3.83	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2410083	Nguyễn Đặng Ngọc Trâm	15	97	3.82	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2410085	Kim Thị Mỹ Trân	13	95	3.79	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.080.000 đồng</b>								
<b>395. Lớp: TD22X6A1</b>								
1	B2207090	Lê Thị Ngọc Quý	15	97	3.93	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2207100	Nguyễn Thị Quế Trân	15	100	3.87	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.920.000 đồng</b>								
<b>396. Lớp: TD23X6A1</b>								
1	B2307772	Nguyễn Hồng Lực	15	100	3.73	Xuất sắc	5.600.000	
2	B2307782	Phạm Hồ Phi	15	100	3.87	Xuất sắc	5.600.000	
3	B2307794	Huỳnh Anh Thư	15	95	3.6	Xuất sắc	5.600.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>16.800.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.280.000 đồng</b>								
<b>397. Lớp: TD24X6A1</b>								
1	B2410144	Phan Hồng Anh	12	94	3.42	Giỏi	4.800.000	
2	B2410154	Thạch Nhuận Đông	14	97	3.43	Giỏi	4.800.000	
3	B2410175	Danh Võ Ngọc Tiệp	14	97	3.32	Giỏi	4.800.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>14.400.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 12.480.000 đồng</b>								
<b>398. Lớp: TN21T5F1</b>								
1	B2104408	Trần Phương Vy	15	94	3.7	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2110569	Nguyễn Ngọc Hân	15	96	3.63	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>399. Lớp: TN21T5F2</b>								
1	B2104407	Nguyễn Trần Thúy Vy	15	96	3.7	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>13.090.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.212.000 đồng</b>								
<b>400. Lớp: TN21T7F1</b>								
1	B2104685	Nguyễn Quốc Cường	15	82	3.77	Giỏi	11.220.000	
2	B2110845	Lê Gia Linh	16	97	3.72	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.310.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.188.000 đồng</b>								
<b>401. Lớp: TN21T7F2</b>								
1	B2110820	Nguyễn Phạm Ánh Dương	16	95	3.72	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2110877	Đặng Nguyễn Huyền Trân	16	97	3.91	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng</b>								
<b>402. Lớp: TN21V6F1</b>								
1	B2111754	Đặng Nguyễn Nhật Huy	17	97	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2111763	Lý Thiên Ngân	16	97	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.180.000 đồng</b>								
<b>403. Lớp: TN21V6F2</b>								
1	B2111746	Công Tường Duy	16	79	3.69	Khá	9.350.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>9.350.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 7.480.000 đồng</b>								
<b>404. Lớp: TN2283A1</b>								
1	B2203129	Nguyễn Thị Thu Hiền	16	92	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203154	Lê Thái Ngọc Trân	15	80	3.4	Giỏi	7.860.000	
3	B2203159	Lê Thị Tường Vi	16	88	3.63	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.532.000 đồng</b>								
<b>405. Lớp: TN2283A2</b>								
1	B2203183	Nguyễn Minh Nghị	16	91	3.53	Giỏi	7.860.000	
2	B2203185	Nguyễn Hoàng Nhân	13	87	3.73	Giỏi	7.860.000	
3	B2203197	Hứa Ngọc Trân	15	81	3.5	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.960.000 đồng</b>								
<b>406. Lớp: TN2284A1</b>								
1	B2202060	Nguyễn Văn Thế	12	97	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>9.170.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 11.528.000 đồng</b>								
<b>407. Lớp: TN22D5A1</b>								
1	B2203889	Hàn Thị Minh Diệu	16	93	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203901	Nguyễn Thị Trúc Ly	16	100	3.84	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.532.000 đồng</b>								
<b>408. Lớp: TN22D5A2</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2203930	Nguyễn Minh Anh	16	97	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203933	Đoàn Hồng Du	16	97	3.66	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>409. Lớp: TN22S3A1</b>								
1	B2204168	Nguyễn Quốc Huy	16	90	3.84	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2204170	Trần Minh Hùng	17	93	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2204171	Lâm Công Hưng	14	98	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2204173	Nguyễn Văn Khang	13	90	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.108.000 đồng</b>								
<b>410. Lớp: TN22S5A1</b>								
1	B2202042	Tăng Thị Kim Ngân	14	97	3.57	Giỏi	7.860.000	
2	B2202044	Nguyễn Quốc Nguyên	14	100	3.57	Giỏi	7.860.000	
3	B2202046	Bùi Hữu Nhân	15	96	3.47	Giỏi	7.860.000	
4	B2205937	Trần Minh Hải	17	91	3.82	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.916.000 đồng</b>								
<b>411. Lớp: TN22S5A2</b>								
1	B2202131	Trần Thanh Sang	15	100	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2202138	Đặng Đức Thịnh	12	94	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2202144	Trần Hoài Trân	15	100	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.916.000 đồng</b>								
<b>412. Lớp: TN22T1A1</b>								
1	B2204246	Phan Thanh Khang	15	92	3.43	Giỏi	7.860.000	
2	B2204254	Huỳnh Tuấn Kiệt	15	82	3.5	Giỏi	7.860.000	
3	B2204271	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	15	84	3.27	Giỏi	7.860.000	
4	B2204283	Lê Võ Văn Viễn	17	83	3.56	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.440.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.584.000 đồng</b>								
<b>413. Lớp: TN22T4A1</b>								
1	B2204398	Nguyễn Phước Nguyên	16	93	3.91	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2204415	Nguyễn Hồng Vinh	16	98	3.84	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.816.000 đồng</b>								
<b>414. Lớp: TN22T5A1</b>								
1	B2204444	Võ Minh Khiêm	15	100	3.6	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2204454	Nguyễn Văn Vũ Luân	12	96	3.58	Giỏi	7.860.000	
3	B2204455	Trần Huy Luật	15	82	3.63	Giỏi	7.860.000	
4	B2204478	Trương Đức Tín	12	100	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>34.060.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.916.000 đồng</b>								
<b>415. Lớp: TN22T5F1</b>								
1	B2204530	Nguyễn Minh Triều	14	90	3.38	Giỏi	11.220.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.220.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng</b>								
<b>416. Lớp: TN22T5F2</b>								
1	B2204524	Nguyễn Phan Thanh Tiến	13	80	3	Khá	9.350.000	
2	B2204531	Dương Đình Trí	13	83	2.85	Khá	9.350.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.700.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng</b>								
<b>417. Lớp: TN22T6A1</b>								
1	B2204540	Nguyễn Thị Kiều Dung	14	89	3.39	Giỏi	7.860.000	
2	B2204543	Phạm Huỳnh Khánh Duy	15	97	3.39	Giỏi	7.860.000	
3	B2204563	Trần Quốc Khang	15	97	3.54	Giỏi	7.860.000	
4	B2204602	Nguyễn Phát Triển	14	84	3.36	Giỏi	7.860.000	
5	B2204603	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	15	100	3.4	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>39.300.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.300.000 đồng</b>								
<b>418. Lớp: TN22T7A1</b>								
1	B2204629	Trương Khánh Hà	16	100	3.59	Giỏi	7.860.000	
2	B2204640	Lý Phúc Khang	16	95	3.59	Giỏi	7.860.000	
3	B2204641	Nguyễn Minh Khang	13	97	3.5	Giỏi	7.860.000	
4	B2204653	Đào Văn Ngon	15	90	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.060.000 đồng</b>								
<b>419. Lớp: TN22T7A2</b>								
1	B2204702	Phan Văn Tài Em	14	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2204706	Nguyễn Chí Hạo	16	91	3.66	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2204738	Nguyễn Hoàng Phúc	14	95	3.82	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2204747	Trần Phú Thạnh	14	100	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.060.000 đồng</b>								
<b>420. Lớp: TN22T7F1</b>								
1	B2204767	Nguyễn Trí Cường	12	81	3.83	Giỏi	11.220.000	
2	B2204779	Nguyễn Thanh Hưng	14	92	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.310.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b>								
<b>421. Lớp: TN22T7F2</b>								
1	B2204818	Trần Lê Gia Tân	14	95	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2204819	Nguyễn Thái Thành	13	96	3.31	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.310.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b>								
<b>422. Lớp: TN22T8A1</b>								
1	B2204845	Bùi Trần Việt Bắc	16	80	3.94	Giỏi	7.860.000	
2	B2204877	Lê Tấn Lộc	18	100	3.78	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2204879	Nguyễn Thành Luân	18	89	3.72	Giỏi	7.860.000	
4	B2204889	Nguyễn Phú Nhuận	16	98	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>34.060.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 37.728.000 đồng</b>								
<b>423. Lớp: TN22V6A1</b>								
1	B2205725	Lê Phan Thùy Mơ	17	93	3.91	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2205731	Danh Minh Nhật	18	92	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2205743	Trần Thị Nhã Thu	18	98	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.152.000 đồng</b>								
<b>424. Lớp: TN22V6A2</b>								
1	B2205760	Lê Hoàng Duy	16	92	3.91	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2205799	Vũ Ngọc Quỳnh Trâm	17	94	3.85	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2205807	Ngô Ngọc Nhật Vương	13	90	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.580.000 đồng</b>								
<b>425. Lớp: TN22V6F1</b>								
1	B2205818	Nguyễn Thị Thúy Hằng	16	99	3.53	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.220.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.212.000 đồng</b>								
<b>426. Lớp: TN22V6F2</b>								
1	B2205829	Nguyễn Trần Ngọc Minh	20	95	3.35	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.220.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.960.000 đồng</b>								
<b>427. Lớp: TN22Y8A1</b>								
1	B2207426	Nguyễn Hải Sản	15	95	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2207433	Trịnh Văn Thắng	13	91	3.85	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2207440	Nguyễn Phát Tí	13	93	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2207445	Lâm Nhã Trúc	16	100	3.72	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.156.000 đồng</b>								
<b>428. Lớp: TN22Z5A1</b>								
1	B2207475	Lê Phước Lợi	18	81	3.69	Giỏi	7.860.000	
2	B2207488	Nguyễn Vinh Phúc	17	81	3.62	Giỏi	7.860.000	
3	B2207494	Nguyễn Phước Sang	14	91	3.68	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2207502	Võ Thị Anh Thu	13	95	3.58	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.344.000 đồng</b>								
<b>429. Lớp: TN2383A1</b>								
1	B2303447	Tăng Thị Kim Ninh	12	99	3.29	Giỏi	7.860.000	
2	B2303458	Mã Thị Kim Thu	16	95	3.43	Giỏi	7.860.000	
3	B2303459	Lê Vĩnh Tiến	15	90	3.54	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.960.000 đồng</b>								
<b>430. Lớp: TN2383A2</b>								
1	B2303499	Nguyễn Ngọc Thảo	17	97	3.62	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2303508	Đặng Cẩm Tú	13	92	3.58	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>17.030.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.912.000 đồng</b>								
<b>431. Lớp: TN2384A1</b>								
1	B2302251	Trần Vũ Luân	17	92	3.59	Giỏi	7.860.000	
2	B2302339	Trương Đình Phục	15	87	3.61	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.720.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.672.000 đồng</b>								
<b>432. Lớp: TN23D5A1</b>								
1	B2304266	Lâm Tuấn Đạt	15	90	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2304300	Võ Thị Bảo Trân	18	88	3.82	Giỏi	7.860.000	
3	B2304308	Tạ Lan Vy	15	100	3.7	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.152.000 đồng</b>								
<b>433. Lớp: TN23D5A2</b>								
1	B2304326	Cao Vương Lợi	16	82	3.6	Giỏi	7.860.000	
2	B2304351	Nguyễn Kiều Vân Trúc	16	93	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2304354	Nguyễn Thị Ngọc Tươi	14	97	3.58	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.628.000 đồng</b>								
<b>434. Lớp: TN23S3A1</b>								
1	B2304638	Nguyễn Ngọc Gia Hưng	14	77	3.31	Khá	6.550.000	
2	B2304646	Nguyễn Minh Luân	13	80	3.77	Giỏi	7.860.000	
3	B2304648	Trần Duy Minh	14	97	3.32	Giỏi	7.860.000	
4	B2304651	Đỗ Nguyễn Trí Nguyên	17	76	3.22	Khá	6.550.000	
5	B2304673	Phạm Chí Thịnh	12	97	3.45	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.156.000 đồng</b>								
<b>435. Lớp: TN23S5A1</b>								
1	B2302232	Trần Văn Hạo	17	89	3.63	Giỏi	7.860.000	
2	B2302244	Nguyễn Tuấn Kiệt	17	98	3.59	Giỏi	7.860.000	
3	B2302274	Nguyễn Văn Thắng	15	90	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.724.000 đồng</b>								
<b>436. Lớp: TN23S5A2</b>								
1	B2302331	Phạm Khôi Nguyên	17	100	3.66	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2302345	Phạm Duy Tân	16	90	3.8	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2302347	Lê Hoàng Thắng	14	92	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.248.000 đồng</b>								
<b>437. Lớp: TN23S7A1</b>								
1	B2304708	Trần Trọng Nghĩa	12	84	3.91	Giỏi	7.860.000	
2	B2304710	Nguyễn Tiểu Nhã	14	90	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2304725	Châu Thị Ngọc Trâm	13	87	3.69	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.008.000 đồng</b>								
<b>438. Lớp: TN23T1A1</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2304885	Trần Lê Thành Đạt	15	71	3.57	Khá	6.550.000	
2	B2304891	Nguyễn Hoàng Hiệp	15	75	3.27	Khá	6.550.000	
3	B2304919	Phan Văn Quang	13	92	3.42	Giỏi	7.860.000	
4	B2304939	Võ Thanh Yên	15	67	3.39	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.676.000 đồng</b>								
<b>439. Lớp: TN23T4A1</b>								
1	B2305035	Phạm Ngọc Diệu	14	95	3.62	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2305060	Lương Ngọc Băng Tâm	14	95	3.85	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>440. Lớp: TN23T5A1</b>								
1	B2305076	Nguyễn Hồng Lê Anh	12	95	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2305096	Dương Hoàng Huy	12	89	3.5	Giỏi	7.860.000	
3	B2305109	Nguyễn Nhật Minh Khôi	13	82	3.54	Giỏi	7.860.000	
4	B2305135	Lê Minh Nhật	14	100	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
5	B2305160	Võ Lê Hồng Yên	16	94	3.41	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>41.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.300.000 đồng</b>								
<b>441. Lớp: TN23T5F1</b>								
1	B2305193	Nguyễn Minh Thứ	13	81	2.69	Khá	9.350.000	
2	B2305196	Nguyễn Trần Tiến	14	96	2.65	Khá	9.350.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.700.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.196.000 đồng</b>								
<b>442. Lớp: TN23T6A1</b>								
1	B2305233	Lê Phan Nguyên Khánh	14	94	3.54	Giỏi	7.860.000	
2	B2305247	Vưu Quang Nhân	13	95	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2305249	Lý Như Mỹ Nhung	14	97	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2305266	Lê Thanh Toàn	13	93	3.54	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>34.060.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.440.000 đồng</b>								
<b>443. Lớp: TN23T7A1</b>								
1	B2305285	Phạm Vũ Duy	15	97	3.6	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2305312	Lê Thị Kiều	13	90	3.85	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2305316	Nguyễn Huỳnh Mạnh	13	100	3.62	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2305321	Bùi Chí Nhân	15	91	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
5	B2305346	Hồ Minh Trí	16	95	3.9	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>45.850.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 42.444.000 đồng</b>								
<b>444. Lớp: TN23T7A2</b>								
1	B2305377	Lương Gia Huy	14	91	3.85	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2305396	Tạ Hoài Mới	14	91	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2305415	Trương Thị Ngọc Thiệp	16	90	3.72	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2305423	Nguyễn Văn Toàn	13	99	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 40.348.000 đồng</b>								
<b>445. Lớp: TN23T7F1</b>								
1	B2305449	Nguyễn Quốc Đạt	15	82	3.71	Giỏi	11.220.000	
2	B2305455	Võ Phước Hậu	14	83	3.57	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.440.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.188.000 đồng</b>								
<b>446. Lớp: TN23T7F2</b>								
1	B2305486	Phan Văn Thái	15	95	3.46	Giỏi	11.220.000	
2	B2305491	Nguyễn Nguyên Thắng	15	90	3.68	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.310.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng</b>								
<b>447. Lớp: TN23T8A1</b>								
1	B2305515	Trần Ngọc Anh	15	97	3.29	Giỏi	7.860.000	
2	B2305525	Trần Gia Huy	13	72	3.62	Khá	6.550.000	
3	B2305533	Trần Thành Lộc	15	70	3.13	Khá	6.550.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.436.000 đồng</b>								
<b>448. Lớp: TN23V6A1</b>								
1	B2306374	Nguyễn Trần Việt Huy	13	92	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2306381	Nguyễn Hữu Lộc	16	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2306416	Phan Thị Trúc Vy	14	100	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.200.000 đồng</b>								
<b>449. Lớp: TN23V6A2</b>								
1	B2306428	Nguyễn Gia Huy	20	97	3.95	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2306440	Nguyễn Thanh Nhã	14	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2306446	Khuru Gia Phát	14	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.200.000 đồng</b>								
<b>450. Lớp: TN23V6F1</b>								
1	B2306483	Dương Chí Hường	15	100	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306502	Lâm Chí Thịnh	17	95	3.94	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.432.000 đồng</b>								
<b>451. Lớp: TN23Y8A1</b>								
1	B2308176	Nguyễn Văn Lý Hải	15	94	3.68	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2308180	Võ Đăng Đức Huy	15	95	3.87	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2308213	Phan Minh Tân	13	97	3.77	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2308224	Nguyễn Văn Toàn	16	97	3.7	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 37.204.000 đồng</b>								
<b>452. Lớp: TN23Y8F1</b>								
1	B2308246	Nguyễn Văn Hải	12	94	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2308271	Lê Thuyết	12	95	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.180.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.424.000 đồng</b>								
<b>453. Lớp: TN23Z5A1</b>								
1	B2308286	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	14	100	3.85	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2308315	Hà Hoàng Nhi	13	98	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2308330	Đặng Xuân Thủy	14	96	3.82	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2308331	Nguyễn Trung Thừa	12	91	3.82	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.488.000 đồng</b>								
<b>454. Lớp: TN2483A1</b>								
1	B2404502	Trương Khắc Bình	13	90	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2404551	Trần Thị Phương Quyên	13	90	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>455. Lớp: TN2483A2</b>								
1	B2404523	Lâm Tuyết Kha	13	85	3.5	Giỏi	7.860.000	
2	B2404537	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	13	100	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2404564	Nguyễn Hoài Thương	13	95	3.58	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>456. Lớp: TN2484A1</b>								
1	B2402886	Đoàn Hoài An	15	97	3.37	Giỏi	7.860.000	
2	B2402896	Lê Thành Đạt	15	80	3.33	Giỏi	7.860.000	
3	B2402931	Lý Minh Thuận	13	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.676.000 đồng</b>								
<b>457. Lớp: TN2484A2</b>								
1	B2402945	Lê Chí Bằng	14	85	3.77	Giỏi	7.860.000	
2	B2402968	Đào Gia Minh	16	86	3.69	Giỏi	7.860.000	
3	B2402983	Lê Hoàng Thịnh	16	89	3.5	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.152.000 đồng</b>								
<b>458. Lớp: TN24B1A1</b>								
1	B2405168	Đoàn Văn Hiền	15	90	3.8	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2405183	Phạm Văn Khê	13	89	3.38	Giỏi	7.860.000	
3	B2405186	Lê Tuấn Kiệt	12	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2405201	Trần Lê Nguyễn	15	91	3.54	Giỏi	7.860.000	
5	B2405217	Trương Quang Tâm	15	95	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>43.230.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 44.540.000 đồng</b>								
<b>459. Lớp: TN24B2A1</b>								
1	B2405258	Triệu Phúc Khang	14	95	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2405267	Bùi Chánh Hồng Ngọc	15	100	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>460. Lớp: TN24B3A1</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2405302	Châu Vĩnh Huy	15	100	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2405312	Đặng Văn Luận	13	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2405313	Đặng Phan Nhật Minh	13	98	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.056.000 đồng</b>								
<b>461. Lớp: TN24B3A2</b>								
1	B2405346	Nguyễn Ngô Vinh Hiền	13	95	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2405369	Bùi Minh Quân	13	95	3.77	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2405380	Trần Phạm Nhã Uyên	15	95	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.056.000 đồng</b>								
<b>462. Lớp: TN24D5A1</b>								
1	B2405712	Trương Thanh Huy	17	91	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2405741	Lâm Thị Ngọc Thương	14	96	3.89	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.248.000 đồng</b>								
<b>463. Lớp: TN24D5A2</b>								
1	B2405767	Bùi Lệ Huyền	13	91	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2405772	Đỗ Hoàng Kim	13	94	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2405787	Trần Hạo Nhiên	14	98	3.89	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.248.000 đồng</b>								
<b>464. Lớp: TN24S3A1</b>								
1	B2406253	Phạm Thái Bình	14	93	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2406254	Trần Quốc Cường	13	97	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2406300	Nguyễn Hoàng Thành	20	90	3.68	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2406306	Nguyễn Minh Thuận	12	94	3.68	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.108.000 đồng</b>								
<b>465. Lớp: TN24S7A1</b>								
1	B2406336	Trần Thanh Hòa	12	87	3.82	Giỏi	7.860.000	
2	B2406341	Nguyễn Phước Kiệt	12	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2406356	Võ Kiều Quyển Quyển	12	98	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.676.000 đồng</b>								
<b>466. Lớp: TN24S7A2</b>								
1	B2406378	Trần Thị Dàng	12	82	3.41	Giỏi	7.860.000	
2	B2406404	Nguyễn Hồ Hồng Phúc	12	93	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2406410	Dư Thị Khã Thi	12	92	3.36	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.676.000 đồng</b>								
<b>467. Lớp: TN24T1A1</b>								
1	B2406662	Nguyễn Hùng Cường	13	89	2.85	Khá	6.550.000	
2	B2406678	Lê Hồ Trung Hiếu	12	80	3.36	Giỏi	7.860.000	
3	B2406681	Nguyễn Hoàng Phương Hoa	14	86	3.07	Khá	6.550.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.580.000 đồng</b>								
<b>468. Lớp: TN24T1A2</b>								
1	B2406663	Nguyễn Đức Duy	14	93	3.19	Khá	6.550.000	
2	B2406699	Bùi Đại Lợi	12	97	3.64	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2406712	Phạm Hoàng Thảo Nhi	13	97	3.31	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.580.000 đồng</b>								
<b>469. Lớp: TN24T4A1</b>								
1	B2406859	Lê Chí Bảo	12	97	3.59	Giỏi	7.860.000	
2	B2406863	Trần Bảo Bảo	13	82	3.38	Giỏi	7.860.000	
3	B2406884	Nguyễn Khải Minh	14	100	3.64	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.152.000 đồng</b>								
<b>470. Lớp: TN24T5A1</b>								
1	B2406924	Lê Minh Hải	13	88	3.69	Giỏi	7.860.000	
2	B2406941	Nguyễn Phước Nguyên	13	85	3.96	Giỏi	7.860.000	
3	B2406958	Đặng Minh Triều	13	81	3.63	Giỏi	7.860.000	
4	B2406962	Trương Tô Hoàng Vinh	12	83	3.82	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.440.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.772.000 đồng</b>								
<b>471. Lớp: TN24T5A2</b>								
1	B2406966	Cao Thăng Bảo	13	90	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2407015	Ngô Quang Vinh	15	88	3.64	Giỏi	7.860.000	
3	B2407017	Nguyễn Phú Yên	14	94	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>26.200.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.676.000 đồng</b>								
<b>472. Lớp: TN24T5F1</b>								
1	B2407019	Nguyễn Trần Gia Bảo	14	94	3.65	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2407049	Trịnh Yến Ngọc	14	95	3.54	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.310.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b>								
<b>473. Lớp: TN24T6A1</b>								
1	B2407082	Võ Gia Bảo	12	92	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2407102	Nguyễn Minh Khánh	13	95	3.42	Giỏi	7.860.000	
3	B2407145	Bùi Duy Tín	13	86	3.5	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.960.000 đồng</b>								
<b>474. Lớp: TN24T6A2</b>								
1	B2407136	Hoàng Đại Thành Thái	13	95	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2407147	Trần Quốc Toàn	13	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.436.000 đồng</b>								
<b>475. Lớp: TN24T7A1</b>								
1	B2407163	Trương Ngọc Bích Châu	12	89	3.64	Giỏi	7.860.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2407197	Lê Nguyễn Chí Ninh	14	84	3.57	Giỏi	7.860.000	
3	B2407206	Võ Tuấn Thanh	16	83	3.78	Giỏi	7.860.000	
4	B2407209	Nguyễn Hoàng Thiện	13	95	3.62	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.488.000 đồng</b>								
<b>476. Lớp: TN24T7A2</b>								
1	B2407223	Huỳnh Tuấn Anh	15	84	3.47	Giỏi	7.860.000	
2	B2407243	Trần Thị Mỹ Huyền	12	100	3.64	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2407274	Nguyễn Việt Thái	13	94	3.54	Giỏi	7.860.000	
4	B2407279	Trương Quang Tiến	13	95	3.54	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.440.000 đồng</b>								
<b>477. Lớp: TN24T7A3</b>								
1	B2407302	Nguyễn Hải Đăng	15	80	3.53	Giỏi	7.860.000	
2	B2407320	Huỳnh Tuấn Kiệt	12	82	3.5	Giỏi	7.860.000	
3	B2407341	Trần Đức Thành	17	84	3.82	Giỏi	7.860.000	
4	B2407352	Danh Thanh Vàng	17	92	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.916.000 đồng</b>								
<b>478. Lớp: TN24T7F1</b>								
1	B2407370	Nguyễn Thành Đặng	13	72	3.62	Khá	9.350.000	
2	B2407377	Nguyễn Văn Lý Hải	13	97	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2407399	Phạm Tấn Lực	13	81	3.35	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>33.660.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng</b>								
<b>479. Lớp: TN24T7F2</b>								
1	B2407407	Nguyễn Chí Nguyên	13	93	3	Khá	9.350.000	
2	B2407421	Đỗ Hữu Tài	13	89	2.92	Khá	9.350.000	
3	B2407433	Nguyễn Hoàng Anh Thư	13	95	2.96	Khá	9.350.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>28.050.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng</b>								
<b>480. Lớp: TN24T8A1</b>								
1	B2407458	Thái Thị Huyền Anh	15	95	3.68	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2407464	Đặng Lê Cường	15	82	3.46	Giỏi	7.860.000	
3	B2407514	Lê Phạm Thảo Vy	15	89	3.5	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.772.000 đồng</b>								
<b>481. Lớp: TN24V6A1</b>								
1	B2408629	Trần Anh Kiệt	15	95	3.82	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2408635	Nguyễn Thảo Ngân	14	95	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2408645	Võ Tiến Sĩ	15	98	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.868.000 đồng</b>								
<b>482. Lớp: TN24V6A2</b>								
1	B2408671	Hồ Huỳnh Anh Duy	13	98	4	Xuất sắc	9.170.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2408672	Lê Nguyễn Hồng Duyên	13	100	3.96	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2408687	Liêu Quốc Khiêm	13	98	4	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2408694	Nguyễn Kim Ngân	13	100	3.96	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.344.000 đồng</b>								
<b>483. Lớp: TN24V6F1</b>								
1	B2405277	Phan Trang Thanh	12	85	3.64	Giỏi	11.220.000	
2	B2408742	Đặng Ngọc Thiên Ngân	12	95	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.310.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.180.000 đồng</b>								
<b>484. Lớp: TN24Y8A1</b>								
1	B2410568	Trương Phi Long	14	97	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2410569	Huỳnh Quang Minh	14	95	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2410579	Nguyễn Tường Phi	14	96	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2410590	Đoàn Thảo	14	95	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.776.000 đồng</b>								
<b>485. Lớp: TN24Y8F1</b>								
1	B2410598	Đình Kiến Trọng	12	98	3.85	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2410633	Thái Minh Nhân	12	83	3.7	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.310.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng</b>								
<b>486. Lớp: TS2113T1</b>								
1	B2101107	Nguyễn Quốc Tâm	12	76	3.15	Khá	9.350.000	
2	B2109825	Ngô Lê Quốc Toàn	12	82	3.15	Khá	9.350.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.700.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng</b>								
<b>487. Lớp: TS2213A1</b>								
1	B2200328	Lâm Tôn Mỹ Huyền	18	92	3.94	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2200335	Lê Quốc Kiệt	16	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2200369	Phan Thị Hồng Yên	18	95	3.78	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.580.000 đồng</b>								
<b>488. Lớp: TS2213A2</b>								
1	B2200381	Lý Thị Huyền	20	93	3.95	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2200397	Văn Tự Nguyễn	16	91	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.008.000 đồng</b>								
<b>489. Lớp: TS2213A3</b>								
1	B2200441	Nguyễn Thị Hồng Lanh	16	93	3.94	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2200442	Nguyễn Phạm Trúc Linh	18	93	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2200447	Trần Lâm Trúc Ngân	17	95	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.580.000 đồng</b>								
<b>490. Lớp: TS2213A4</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2200506	Nguyễn Thị Phương Oanh	16	95	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2200507	Lý Hữu Phúc	19	95	3.76	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>491. Lớp: TS2213T1</b>								
1	B2200535	Châu Vĩnh Cơ	16	81	3.1	Khá	9.350.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>9.350.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 12.716.000 đồng</b>								
<b>492. Lớp: TS2213T2</b>								
1	B2200529	Ngô Thị Xuân Anh	15	88	3.3	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>11.220.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.960.000 đồng</b>								
<b>493. Lớp: TS2276A1</b>								
1	B2202822	Nguyễn Nhật Huỳnh	14	90	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2202856	Võ Quang Vinh	12	96	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>494. Lớp: TS2276A2</b>								
1	B2202880	Trần Bích Ngọc	14	100	3.64	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2202882	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	14	94	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.292.000 đồng</b>								
<b>495. Lớp: TS2282A1</b>								
1	B2203002	Lý Thị Lay	16	93	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203011	Trần Thị Thanh Ngân	15	92	3.86	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2203028	Lê Huy Thế	16	93	3.75	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.820.000 đồng</b>								
<b>496. Lớp: TS2282A2</b>								
1	B2203079	Nguyễn Mỹ Mỹ	16	92	3.94	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2203080	Trần Ngô Xuân Mỹ	16	92	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2203086	Phan Thị Mỹ Nguyên	18	97	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.868.000 đồng</b>								
<b>497. Lớp: TS22S2A1</b>								
1	B2204075	Nguyễn Đăng Khôi	18	98	3.89	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2204099	Nguyễn Thị Tường Vi	15	100	3.93	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.672.000 đồng</b>								
<b>498. Lớp: TS22S2A2</b>								
1	B2204111	Đặng Thị Cẩm Giang	17	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2204144	Trần Nguyễn Như Ý	17	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.292.000 đồng</b>								
<b>499. Lớp: TS2313A1</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2300354	Đỗ Ngọc Dương Khang	16	93	3.87	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2300366	Nguyễn Minh Lợi	14	97	3.81	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2300384	Trần Duy Phát	16	85	3.88	Giỏi	7.860.000	
4	B2300388	Cao Văn Quý	16	93	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>35.370.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.632.000 đồng</b>								
<b>500. Lớp: TS2313A2</b>								
1	B2300427	Lâm Thị Ngọc Hạnh	16	99	3.66	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2300449	Lương Tuấn Minh	14	100	3.65	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2300460	Phạm Thị Nhớ	15	83	3.62	Giỏi	7.860.000	
4	B2300490	Văn Mỹ Vón	14	85	3.62	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>34.060.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.060.000 đồng</b>								
<b>501. Lớp: TS2313A3</b>								
1	B2300541	Cao Phú Nhuận	15	90	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2300543	Phạm Minh Nhựt	15	97	3.7	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2300557	Phan Thiên Thiên	14	95	3.92	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2300561	Nguyễn Ngọc Anh Thư	13	95	3.85	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>36.680.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.584.000 đồng</b>								
<b>502. Lớp: TS2313A4</b>								
1	B2300603	Văn Quốc Kiệt	13	90	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2300611	Nguyễn Ngọc Kiều My	15	83	3.73	Giỏi	7.860.000	
3	B2300636	Nguyễn Tấn Thành	15	90	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2300647	Lâm Thị Huyền Trân	15	85	3.63	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>34.060.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.916.000 đồng</b>								
<b>503. Lớp: TS2313T1</b>								
1	B2300679	Nguyễn Xuân Mai	17	84	3.56	Giỏi	11.220.000	
2	B2306480	Trần Lê Kim Hoàng	16	92	3.5	Giỏi	11.220.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.440.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.700.000 đồng</b>								
<b>504. Lớp: TS2376A1</b>								
1	B2303129	Đỗ Thị Thúy Quyền	13	98	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2303140	Trần Mỹ Trân	15	90	3.57	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>17.030.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.292.000 đồng</b>								
<b>505. Lớp: TS2376A2</b>								
1	B2303150	Trần Ngân Giang	16	94	3.43	Giỏi	7.860.000	
2	B2303167	Đặng Thanh Phong	14	90	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>17.030.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.816.000 đồng</b>								
<b>506. Lớp: TS2382A1</b>								
1	B2303309	Lê Phước Sang	19	95	3.74	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2303326	Nguyễn Thị Phương Trinh	14	95	3.79	Xuất sắc	9.170.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2303333	Biện Thị Tường Vy	15	99	3.87	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.060.000 đồng</b>								
<b>507. Lớp: TS2382A2</b>								
1	B2303340	Nguyễn Quốc Bảo	15	100	3.8	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2303369	Nguyễn Minh Long	16	98	3.6	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2303379	Trần Kim Ngân	13	98	3.77	Xuất sắc	9.170.000	
4	B2303413	Đặng Hoàng Trúc	15	85	3.8	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>35.370.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.252.000 đồng</b>								
<b>508. Lớp: TS23S2A1</b>								
1	B2304504	Trần Văn Nhật Duy	13	93	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2304507	Phạm Thị Diễm	16	90	3.56	Giỏi	7.860.000	
3	B2304510	Trần Thị Cẩm Hằng	12	87	3.75	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.960.000 đồng</b>								
<b>509. Lớp: TS23S2A2</b>								
1	B2304588	Nguyễn Tuyết Nhung	12	96	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2304592	Hứa Ngọc Trúc Phương	12	91	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng</b>								
<b>510. Lớp: TS2413A1</b>								
1	B2400608	Phan Trường Đạt	15	87	3.57	Giỏi	7.860.000	
2	B2400611	Nguyễn Văn Đoán	15	92	3.5	Giỏi	7.860.000	
3	B2400612	Nguyễn Hải Hà	15	83	3.4	Giỏi	7.860.000	
4	B2400627	Lê Tuấn Khôi	14	88	3.57	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.440.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.488.000 đồng</b>								
<b>511. Lớp: TS2413A2</b>								
1	B2400679	Nguyễn Quốc Ái	15	92	3.7	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2400695	Phan Thị Kim Hân	14	86	3.64	Giỏi	7.860.000	
3	B2400715	Thạch Triệu Phương Nam	14	87	3.79	Giỏi	7.860.000	
4	B2400753	Trần Chí Vĩ	14	86	3.61	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.632.000 đồng</b>								
<b>512. Lớp: TS2413A3</b>								
1	B2400783	Nguyễn Hoàng Khánh	15	84	3.73	Giỏi	7.860.000	
2	B2400801	Nguyễn Khánh Nguyên	15	89	3.63	Giỏi	7.860.000	
3	B2400819	Lê Thị Hồng Thủy	14	88	3.64	Giỏi	7.860.000	
4	B2400827	Nguyễn Bảo Trọng	15	90	3.6	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.916.000 đồng</b>								
<b>513. Lớp: TS2413A4</b>								
1	B2400842	Lê Bùi Ngọc Diễm	14	93	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2400887	Trương Hoài Phú	14	100	3.79	Xuất sắc	9.170.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2400901	Nguyễn Lâm Khang Tính	14	92	3.79	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>27.510.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.916.000 đồng</b>								
<b>514. Lớp: TS2413T1</b>								
1	B2400915	Lê Hoài Bảo	15	85	3.77	Giỏi	11.220.000	
2	B2400926	Nguyễn Nhật Hào	15	76	2.83	Khá	9.350.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>20.570.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng</b>								
<b>515. Lớp: TS2476A1</b>								
1	B2404177	Lê Ngọc Minh Anh	12	90	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2404224	Huỳnh Thị Phương Quyên	12	89	3.75	Giỏi	7.860.000	
3	B2404226	Nguyễn Thanh Tâm	12	86	3.92	Giỏi	7.860.000	
4	B2404254	Nguyễn Quốc Vinh	12	86	3.83	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>32.750.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.108.000 đồng</b>								
<b>516. Lớp: TS2482A1</b>								
1	B2404374	Quách Huy Thái	13	85	3.5	Giỏi	7.860.000	
2	B2404383	Nguyễn Đình Trí	13	88	3.46	Giỏi	7.860.000	
3	B2404387	Đặng Phương Vy	13	92	3.54	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.960.000 đồng</b>								
<b>517. Lớp: TS2482A2</b>								
1	B2404392	Trương Hoàng Anh	13	90	3.54	Giỏi	7.860.000	
2	B2404403	Nguyễn Minh Hoà	13	87	3.58	Giỏi	7.860.000	
3	B2404420	Nguyễn Hiếu Nhân	13	92	3.62	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>24.890.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.580.000 đồng</b>								
<b>518. Lớp: TS2482A3</b>								
1	B2404452	Phạm Thành Đạt	13	85	3.42	Giỏi	7.860.000	
2	B2404466	Nguyễn Thành Luân	13	87	3.62	Giỏi	7.860.000	
3	B2404469	Huỳnh Thị Kim Ngân	13	90	3.46	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.580.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.104.000 đồng</b>								
<b>519. Lớp: TS24S2A1</b>								
1	B2406141	Đông Văn Quý An	15	93	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2406157	Dương Thị Mai Hương	15	90	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>18.340.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.436.000 đồng</b>								
<b>520. Lớp: TS24S2A2</b>								
1	B2406209	Trịnh Gia Hạo	15	80	3.3	Giỏi	7.860.000	
2	B2406211	Nguyễn Huy	15	70	3.4	Khá	6.550.000	
3	B2406227	Nguyễn Mộng Nghi	15	87	3.47	Giỏi	7.860.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>22.270.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.912.000 đồng</b>								
<b>521. Lớp: XH2280A1</b>								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2202911	Lê Thị Ý Duy	14	92	3.65	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2202952	Đình Vũ Thành	17	87	3.65	Giỏi	6.840.000	
3	B2202960	Nguyễn Thị Bích Trang	14	89	3.58	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>21.660.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.888.000 đồng</b>								
<b>522. Lớp: XH22U4A1</b>								
1	B2205097	Nguyễn Minh Hoài	15	93	3.8	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2205108	Lê Thị Cẩm Nhung	17	90	3.65	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.872.000 đồng</b>								
<b>523. Lớp: XH22U4A2</b>								
1	B2205163	Nguyễn Ngọc Minh Thư	15	93	3.9	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2205165	Trần Ngọc Anh Thư	15	92	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.416.000 đồng</b>								
<b>524. Lớp: XH22W7A1</b>								
1	B2206609	Nguyễn Trường Duy	13	100	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206610	Trần Thái Kim Đan	12	93	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.416.000 đồng</b>								
<b>525. Lớp: XH22W7A2</b>								
1	B2206658	Phan Thị Thúy Kiều	12	100	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206663	Nguyễn Thảo Nghi	15	91	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2206679	Nguyễn Thị Thủy Tiên	12	100	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.696.000 đồng</b>								
<b>526. Lớp: XH22W8A1</b>								
1	B2206698	Lâm Như Huỳnh	15	95	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206707	Nguyễn Thị Thanh Ngân	15	98	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.240.000 đồng</b>								
<b>527. Lớp: XH22W8A2</b>								
1	B2206753	Cao Trung Nghĩa	16	100	3.94	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2206765	Trương Thanh Thuận	14	100	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								
<b>528. Lớp: XH2380A1</b>								
1	B2303219	Khuru Tấn Phúc	15	83	3.75	Giỏi	6.840.000	
2	B2303223	Huỳnh Kim Thiên Thanh	16	100	3.77	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2303230	Phùng Ngọc Minh Thư	15	85	4	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>21.660.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.168.000 đồng</b>								
<b>529. Lớp: XH23U4A1</b>								
1	B2305751	Nguyễn Ngọc Trúc Phương	12	100	3.92	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2305755	Trần Thị Phương Thảo	12	93	3.83	Xuất sắc	7.980.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.592.000 đồng</b>								
<b>530. Lớp: XH23U4A2</b>								
1	B2305779	Trần Thị Như Huỳnh	13	97	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2305810	Hà Thị Tường Vy	13	100	3.79	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.872.000 đồng</b>								
<b>531. Lớp: XH23W7A1</b>								
1	B2307299	Lý Thị Tuyết Hoa	15	99	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2307300	Lê Khánh Huy	14	99	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								
<b>532. Lớp: XH23W7A2</b>								
1	B2307347	Phan Thị Ngọc Kiều	16	92	3.81	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2307365	Nguyễn Minh Thư	13	95	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								
<b>533. Lớp: XH23W8A1</b>								
1	B2307385	Trần Thị Bích Huyền	18	92	4	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2307421	Nguyễn Thị Như Ý	15	91	3.87	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.608.000 đồng</b>								
<b>534. Lớp: XH23W8A2</b>								
1	B2307426	Dương Thị Bích Du	18	94	3.94	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2307446	Nguyễn Quốc Nhiều	18	97	4	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>15.960.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.328.000 đồng</b>								
<b>535. Lớp: XH2480A1</b>								
1	B2404294	Phan Kim Ngân	12	100	3.67	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2404307	Nguyễn Tâm Như	12	83	3.67	Giỏi	6.840.000	
3	B2404316	Trần Thị Thanh Thảo	12	95	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2404323	Nguyễn Thuỳ Trang	12	89	3.67	Giỏi	6.840.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>29.640.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.816.000 đồng</b>								
<b>536. Lớp: XH24N1A1</b>								
1	B2405849	Nguyễn Ngọc Minh Anh	13	91	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2405882	Nguyễn Hoàng Thiên Long	13	94	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2405894	Đặng Thị Quỳnh Như	13	91	3.73	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.448.000 đồng</b>								
<b>537. Lớp: XH24N2A1</b>								
1	B2405924	Nguyễn Quốc Khang	15	100	3.9	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2405945	Ngô Minh Quý	15	97	3.87	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2405961	Phạm Kim Phương Vy	15	98	3.83	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107 /QĐ-ĐHCT, ngày 03 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.520.000 đồng</b>								
<b>538. Lớp: XH24U4A1</b>								
1	B2407820	Nguyễn Hoàng Khánh Đoan	15	97	3.87	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2407846	Trần Đăng Minh Ngọc	15	99	4	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2407867	Chung Trần Nhật Thuận	15	99	3.93	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>23.940.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.448.000 đồng</b>								
<b>539. Lớp: XH24W7A1</b>								
1	B2409821	Nguyễn Vĩ Lộc	14	98	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
2	B2409852	Nguyễn Ngọc Thảo	14	92	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
3	B2409857	Nguyễn Thị Anh Thư	14	90	3.71	Xuất sắc	7.980.000	
4	B2409864	Lê Diễm Trinh	14	100	3.75	Xuất sắc	7.980.000	
<b>Cộng lớp:</b>							<b>31.920.000</b>	
<b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.552.000 đồng</b>								

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ